

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|--------------------|
| — Rét ! | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Cuộc tiến hóa của nền tư bản :
Những biến trạng của chế-độ
tư bản từ cuối thế kỷ XIX | VŨ VĂN HIỀN |
| — Hiến-pháp Trung-hoa: Kết-
quả cuộc cách-mệnh Tân-hợi | PHAN ANH |
| — Nước Ý sau trận chiến-tranh
1914 - 1918 | ỨC MAI |
| — Vì sao tôi viết bộ Á Q chính
truyện? (Nguyên văn của Lỗ
Tấn) | ĐẶNG THÁI MAI dịch |
| ✓ Một chương-trình dạy trong
các lớp học bình dân: Lớp cao
đẳng người lớn | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Xem kịch « Lọ vàng » | L. H. V. |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. D. |

IRIÉ

GIỚI đã giờ lạnh.

Đối với dân nghèo, nạn đói tuy đáng lo nhưng còn được ngày một ngày hai; chứ nạn rét thì cái cơ nguy đã đến ngay trước mắt. gay gát và không bề tránh thoát. Vì, trong cảnh chật vật hiện thời, có gắng hết sức gồng gánh hay đi làm mướn, họ cũng chỉ kiếm được miếng cơm cho mình và cho con cái. Còn đến manh quần áo thì cái cũ đã rách nát mà cái mới thì may làm sao được với giá vải hiện thời.

Tiền công lên được gấp 2, 3 ngày trước, thì liền gạo phải giá tới gấp 4, 5; nghĩa là kiếm được đồng nào, phải «đổ vào nồi», sống cầm hơi chờ những ngày tốt đẹp. Còn cái mặc? Giá sợi, vải đã tăng lên gấp ba, bốn mươi hời xưa: cái giá ác-nghiệt gạt hẳn phái bình-dân ra ngoài thị-trường! Soay sở được một bộ mặc-tối thiểu, chỉ đủ che thân, một quần đùi, một áo cánh (bà-lừ-ô-vải) là cả một công trình lo lớn, chỉ còn ở trong sự mơ ước của dân nghèo.

* *

Trước hiềm tượng đó: Nạn Rét, các nhà từ-thiện đang lo liệu một công việc quý-hóa. Để giúp dân nghèo trong thành phố Hanoi và các vùng lân cận, ban « Cứu-lễ mùa đông » mới thành lập cùng với Liên-đoàn Hướng-dạo tổ chức những cuộc quyên tiền và quần áo, được đồng-bào hưởng ứng nhiệt liệt. Kết quả sẽ mỹ mãn, chứng tỏ công lao của những người thủ xướng và tinh-thần đoàn-kết của mọi tầng lớp xã-hội.

Công việc cứu-lễ mùa đông đã thấy nhóm thêm ở vài tỉnh khác và ta mong nó sẽ được lan khắp mọi nơi.

* *

Tuy nhiên ai cũng thấy công việc từ-thiện này cũng như tất

T!..

VŨ BÌNH HÒE

cả các công cuộc làm phúc — không phải là lối giải quyết triệt để một vấn-đề xã-hội. Trước hết, việc cứu-lễ mùa đông chỉ có thể giúp được một số dân nghèo ở các thành-phố, tỉnh-lỵ và các vùng lân cận, vì chỉ ở đấy mới có người tổ-chức và sẵn người hưởng ứng. Cả ở trường hợp, nói vi dụ, mà việc cứu-lễ có thể lan tới khắp phủ huyện, làng thôn, thì vấn-đề áo mặc của đám bình-dân cũng hãy còn nguyên vẹn. Vì không phải như lúc bình-thời, số người không một manh áo che thân chỉ có hạn. Số đó nay tăng lên gấp bội và đa số dân-chúng, — phải tính bằng con số từng hàng triệu, — đang lâm vào cảnh nguy khốn ấy. Công việc làm phúc kia, mọi người cần phải cố gắng cho hiệu lực; nó to và rộng; Nhưng không nên quên rằng, so với con số nạn-nhân khổng lồ, thì kết-quả đâu có tăng mãi cũng pận không thấm vào đâu.

Vậy còn cần một lối giải quyết khác nữa. Là phải tìm một thứ mặc, tránh được rét mà phái bình-dân có thể tự cung cấp được bằng sức tiền tài của mình.

Đó là lối giải-quyết một vấn-đề xã-hội.

* *

Đám bình-dân ngoài việc lo thiếu gạo, đang to nạn rét vì mùa đông tới đây, họ không mua được thứ gì để che thân mà vừa sức đồng tiền kiếm ra. Đó là một vấn-đề sinh-tử cho đại đa số dân chúng.

Phải tìm một thứ nguyên-liệu nào xấu, nhưng sẵn và rẻ.

Phải nghĩ một cách, thô sơ nhưng dân dị, để biến chế nguyên-liệu ấy; và bằng nguyên-liệu đã biến chế đặt một kiểu áo, quẻ ketch, nhưng tiện lợi cho sự làm việc mà đủ che thân cho đỡ rét.

* *

Kể kỹ tên dưới đây tự hỏi sao lại không có thể dùng RƠM để làm áo được.

(Xem tiếp trang sau,

RÉT!..

(Tiếp theo trang trước)

Trước hết, nếu người ta đã làm và đã dùng áo chùm bằng lá: áo lơ, thì hẳn có thể làm áo chùm bằng rơm là một thứ nguyên liệu sẵn có vì có phần dễ bền, dễ đan hơn. Trong khi áo tơ lá giá tới 0\$80 hay 1\$00 một chiếc (áo tơ kép) thì áo tơ rơm, chắc chắn là có thể thay được thứ áo trên với một giá rẻ hơn nhiều. Tôi đã được thắp dân miền núi đeo áo chùm bằng vỏ cây hay bằng cỏ, và dân miền bèo (Nam-định, Ninh-bình) đeo áo chùm bằng cỏ. Tôi sẽ không ngạc nhiên tí nào khi được trông thấy dân Trung châu và Trung du khoác áo chùm bằng rơm.

Nếu sự tìm tòi còn có thể tiến thêm một bước nữa, sao người ta lại không nghĩ được cách ngâm hay vò rơm hoặc biến chế bằng một lối nào làm cho rơm mềm ra, dẻo, — thêm vào chất dai mà rơm sẵn có (người ta đã làm những dây chèo bằng rơm), — người ta có thể đan những sợi rơm sẵn dai và được làm mềm ra rồi thành một thứ vải, như vải buồm đan bằng cỏ (1) để cắt may những quần áo mặc hoặc đắp hăn vào người? Những sợi rơm vụn vặt, vò mềm, người ta có thể nhồi vào áo kép (nếu có vải hay áo quần cũ đùm lại) như người ta vẫn nhồi đệm nhồi gối, để thay lối áo bông ngày trước.

Những thứ áo đó, áo «vải rơm» và áo nhồi rơm, phần ấm, chắc không kém áo vải sợi và áo bông, vì rơm cũng là một chất được hơi nóng mà dân quê đã biết lợi dụng để làm thứ nệm giải giường ta vẫn quen gọi là ổ rơm. Phần bền, mềm mại và dễ coi thì dĩ nhiên người ta phải quên hẳn đi, và chỉ nên nhớ rằng lối ăn mặc thái cổ này chỉ là phương sách tạm gấp để đối phó với một tình-thế nhất thời.

* * *

Y-kiến thô thiển trên chắc chẳng giúp ích được việc gì cho ai. Nhưng sẽ là một hân hạnh lớn cho kẻ đã bày tỏ nếu nó gợi được những cao kiến khác, khiến người ta có thể giải quyết một vấn-đề cực-kỳ quan trọng: ở đây chống nạn rét cho đám đại-chúng trong tình-thế đặc biệt khó khăn này.

VŨ ĐÌNH HỒE

(1) Dùng làm bị, gió, bao tải và có thể làm áo mặc được.

CUỘC TIẾN-HÓA CỦA NỀN TƯ'-BẢN

NHỮNG BIẾN-TRẠNG CỦA CHẾ-ĐỘ TƯ' BẢN TỪ CUỐI THẾ-KỶ XIX

VŨ VĂN HIỀN

Phong-trào lao-công và các cơ-quan lao-động

(Tiếp theo)

Từ đầu thế-kỷ 19 ở các nước vừa kỹ-nghệ hóa, người ta đã phải đề ý đến vấn-đề lao-động. Nhưng từ hồi ấy đến cuối thế-kỷ 19, tinh-thần, lối tổ-chức và hoạt-động của giai cấp vô sản thay đổi đi nhiều; nên tuy vấn-đề vẫn là vấn-đề cũ, nhưng cách giải-quyết khác hẳn mà ảnh-hưởng của phong-trào lao-động đối với toàn-thể nền kinh-tế và chính-trị trong xã-hội cũng khác hẳn.

Trong sáu bảy mươi năm đầu thế-kỷ 19, vì khổ-sở điều-đứng và bị chủ-áp-bức quá, tại Anh, Pháp và Đức thường xảy ra những cuộc đình-công và biểu-tình của thợ thuyền để phản kháng lại sự rút lương, đòi bớt giờ làm và bỏ lệ-luật khe-khắt trong các công-sưởng, hoặc để phản đối sự dùng cơ khí mà họ coi là nguyên nhân nạn thất-nghiệp: đình-công và thợ đập phá máy móc ở Saint-Etienne, Bordeaux, Paris, Lyon năm 1831; hai vạn thợ may đình-công ở Londres năm 1833; toàn-thể thợ tại Anh nghỉ việc năm 1842, 500 thợ dệt Đức đập phá máy, móc và đốt sách vở cùng các chứng thư của chủ ở Silésie năm 1844 v. v...

Ngoài những sự công-phẫn nhất-thời ấy, một đôi khi thợ-thuyền cũng còn dự vào những cuộc vận-động vừa có tính-cách nghề-nghiệp vừa có tính-cách, chính-trị: cuộc vận-động dân ước (mouvement chartiste) ở Anh trong khoảng 1837-1842, mục-dịch là đòi quyền phổ-thông đầu-phiếu để lập một nền chính-trị bình dân trong đó vì, chiếm phần đông, giai-cấp vô sản sẽ mong thực-hiện được những cuộc cải-lương về xã-hội; cuộc vận-động cách-mệnh năm 1848 tại Pháp nhờ đó trong 4 tháng giới

giai-cấp lao-động đã lường nắm được chính-quyền để cải cách xã-hội nhưng về sau lại bị đàn áp; cuộc cách-mệnh 1870 trong đó thợ-thuyền ở Paris đã lập một chính phủ tạm-thời là commune de Paris (thị xã Paris) để kháng-chiến với chính phủ cộng-hòa v. v.

Trong những cuộc vận động và cách-mệnh ấy giai cấp căn-lao độ máu đã nhiều: sau cuộc kháng chiến của thị xã Paris, non 4 vạn người bị bắt, gần 1 vạn 4 nghìn người bị kết án và 2 vạn người bị giết tại trận; sự đàn-áp ấy làm cho phong-trào lao-động ở Pháp yếu hẳn trong suốt 10 năm giới.

Ngoài ra nhiều cuộc đình-công mới đầu chỉ có tính cách nghề-nghiệp (xin bớt giờ làm, tăng công v. v.) sau cũng thành ra biến-động, và quân-đội của chính-phủ lại lần-công vào thợ-thuyền để lập lại trật-tự: biến-động ở Lyon và Paris năm 1831 và 1834, ở Paris năm 1840; ở Newport (Anh) năm 1837 và tổng đình công bị thất-bại ở Anh năm 1842 v. v.

Sự hi-sinh có nhiều, tri phẫn-đấu có mạnh nhưng kết cục giai-cấp căn-lao vẫn không làm cho đời sống của mình được dễ chịu hơn trước. Cũng có khi họ đã tưởng sắp tới lúc thành công và gây được một xã-hội mới: thí dụ như sau cuộc cách-mệnh Pháp 1848, trong chính-phủ lâm thời đã có một đại-biểu của thợ, một ủy ban của chính-phủ đã lập ra đề nghiên cứu cách tổ-chức lao công, và cứu trợ cho thợ-thuyền bị thất-nghiệp; trong lời tuyên cáo về hiến-pháp lại có đoạn công nhận rằng xã-hội có bốn phận việc cho mọi người làm và có bốn phận cứu-trợ những người nghèo v. v.

Nhưng những kết quả tốt đẹp ấy, sau một thời-gian rất ngắn lại bị mất, vì giai-cấp căn-lao chưa có những cơ quan xứng đáng để giữ lấy những quyền lợi đã cướp được.

Tại Pháp, đạo luật Le Chapelier ngày 14-17 tháng sáu 1791 không những cấm tất cả các sự liên hiệp để bỏ việc (cấm đình công) mà còn cấm ngặt những người cùng làm một nghề không được hội-hợp đoàn kết, bầu đại biểu để định-đoạt những quyền lợi chung của họ.

Dưới đạo luật ấy và dưới sự thống-trị của các chính phủ lần lượt kế tiếp ở Pháp, cho tới năm 1901, thợ-thuyền chỉ có thể lập những hội cứu tế hay từ-thiện mục đích là để giúp đỡ lẫn nhau trong những lúc hoạn-nạn hay mất việc. Nhiều hội ấy cũng đã gián tiếp giúp vào các cuộc đấu công bằng cách cấp tiền cho người nghỉ việc; nhưng toàn-thể rất ít thế lực vì vừa ít người vừa ít tiền. Vì thế, từ năm 1834 trở đi, các phần tử hoạt-động của giai cấp vô sản đều chèn-mảng rồi gia nhập vào các hội kín để mưu cầu đảo chính: nhưng những hội kín có tiếng nhất như hội *Société des Familles* (lập năm 1834), hội *Société des Saisons* (lập năm 1837) cũng chỉ hợp được vài nghìn hội viên là cùng và cũng chỉ gây được vài cuộc bạo động không có ảnh hưởng gì đến nền tảng xã-hội.

Ở Anh, thợ thuyền được tự-do hơn nên từ 1825 đã có những công hội (trade unions) hợp người cùng một nghề, để giáo-dục và cứu-trợ lẫn nhau. Vào khoảng 1830-1834, những công-hội ấy, nhờ sự hoạt-động của mấy người thủ-lĩnh, đã qua một thời-kỳ bùng-bột, đã liên-hiệp thành những tổng công-hội (Trades unions) đồ-sộ. Thí-dụ, hội « National Association for the protection of labour » (Toàn quốc nhân công bảo trợ) lập năm 1830 hợp 150 công-hội, gồm từ 3 đến 10 vạn hội-viên, và xuất bản một tờ báo riêng mỗi số in ba vạn tờ.

Nhưng những hội ấy về sau cũng tan dần: một phần nhỏ vì sự ngăn-cản của chính-phủ Anh, một phần rất lớn là vì những người đứng đầu chia rẽ và vì hội viên thiếu tiền, thiếu kinh-nghiệm, và thiếu tinh-thần trọng kỷ-luật để đứng vững lâu dài trong một công-kuộc tổ chức to như thế.

Vì vậy, nếu xét về toàn-thể thì trong ba phần tư thế-kỷ thứ 19, ở Anh cũng như ở Pháp, phong-trào lao-công đều có những tính cách chung sau đây: sự khổ sở đã sui thợ-thuyền thỉnh thoảng lại tỏ vẻ công-phẫn bằng những cuộc đình công; và bạo động đỏ máu, nhiều khi họ cũng tham dự vào những phong-trào chính trị do giai-cấp trung-lưu và các phần

tử cấp tiến gây ra; nhưng họ vẫn thiếu cơ-quan vững chắc, tự lập, để phấn-đấu về mặt nghề-nghiệp và vì thế những sự công-phẫn, cố gắng, hy sinh bùng-bột trông chốc-lát không có ảnh hưởng sâu xa tới đời sống của vô sản và nền tảng kinh-tế của xã-hội.

Ở Anh, sau sự thất-bại của cuộc vận động dân ước thợ kỹ nghệ bắt đầu tổ-chức lại những công-hội từ 1842 và lúc đầu chỉ theo đuổi mục đích thiết-thực thiên cận là nâng cao trình-độ sinh-hoạt của lao-động. Các tổng công-hội hợp những người cùng làm một nghề trong cả nước, rồi những hội liên-hiệp những người làm khác nghề nhưng cũng thuộc vào một kỹ nghệ dần dần thành lập một cách vững vàng.

Tới 1871, giai-cấp lao-công đã tổ-chức thành một sức mạnh, đòi được quyền lập hội một cách rộng rãi và được quyền đình công.

Rồi từ đấy, phụ-nữ ở các công-sưởng, thợ-thuyền ở thôn quê và nhất là từ 1888 thợ không chuyên-môn và phu (như phu khuân vác ở các bến tàu) đều lần lượt hợp thành công-hội; năm 1920, những người chuyên-môn và lao-động trí thức cũng lập công-hội riêng cộng tác với lao-động làm việc bằng chân tay.

Năm 1920, các công-hội có hơn tám triệu hội-viên (không kể lao-động trí-thức), tức là hợp được gần nửa thợ đầu ông và quá một phần tư thợ đàn bà ở Anh.

Tuy khác nghề, nhưng cùng thuộc vào một giai cấp các tổng-công-hội đã sớm biết hợp nhất để ủng-hộ nhau trong những khi tranh-đấu để tổ chức chung những công cuộc cứu tế và giáo-dục v. v. cho toàn-thể lao-động: năm 1860, năm tổng-công hội thành-lập sớm nhất (thợ máy, thợ đúc, thợ nề, thợ giày và thợ mộc làm nhà) cử đại-biêu lập một ủy-ban liên-lạc (junta). Nhờ sự thân-mật, sự hoạt-động quả-quyết mà khôn khéo của nhân-viên ủy-ban ấy, sau mười lăm năm giời, các công-hội nước Anh trở nên một sức mạnh — sức mạnh vì đồng người, vì có nhiều tiền, vì có những thủ-lĩnh giỏi và đồng tâm. Năm 1915 ba tổng-hội, thợ mỏ, thợ hỏa-xa và thợ vận-tải liên-kết thành một bộ ba rất có thế-lực: vì riêng ba hội ấy hợp hơn 2 triệu người và nắm trong tay ba kỹ nghệ làm then chốt cho tất cả sự

hoạt động kinh tế: chỉ một cuộc tổng đình công ở các mỏ, các đường hỏa-xa và các cơ quan vận tải là đủ làm ngừng hết các nghề khác. Từ 1925 trở đi thì tất cả các công hội đều hợp nhất vào một khối

Năm 1862, một đoàn đại biểu thợ-thuyền Pháp được hoàng đế Napoléon III cử sang dự xu c đại sáo quốc-tế đầu tiên ở Londres. Trực tiếp với các công-hội Anh, đoàn đại biểu nhận thấy thợ Pháp làm nhiều hơn thợ Anh mà lương vẫn ít hơn, nguy-nhân chỉ vì không có tổ chức.

Sau cuộc du-lịch đó thừa-định hoàng đế Napoléon III thi hành một chính sách khoan-hồng, mục-dịch là lấy lòng phái lao-dộng để chống lại các đảng cực hữu và một phần lớn may được những người đứng đầu đồng tâm và tin cậy nhau; thợ-thuyền Pháp với hợp thành công-hội để phấn đấu, hay cứu-tế hoặc thành những hợp-lạc-xã sản-xuất, mục-dịch là quyên-vốn để lập các trường thuộc quyền sở hữu của thợ. Nhưng những hợp-lạc-xã đều bị tan vì thợ có ít vốn và không quen kinh doanh, do đó còn các công-hội thì sự cuộc thất bại của thị-xã Paris (1870) làm cho đời-đặc. Mãi bấy lâu năm sau phong-trào lao-cộng mới dần dần nhóm lại. Năm 1881 tuy chưa được luật-pháp thừa nhận, mà ở Pháp đã có 590 hội của thợ gồm có 6 vạn hội-viên.

Đạo luật 21 tháng ba 1884 bãi bỏ luật Le Chapelier 15-17 tháng sáu 1791, sửa đổi lại bộ hình-luật 1810 và công nhận cho thợ-thuyền quyền tự-do hợp thành công-hội mà không cần phải xin phép chính-phủ, chỉ phải đưa trình các nhà chuyên-trách một bản điều lệ và tên các người giữ việc quản-trị.

Sau đó, số công hội tăng rất nhanh: cuối năm 1899 số hội lên tới 2685 hợp gần 50 vạn thợ.

Trong khi số hội-viên tăng, các công-hội cũng tiến dần về sự hợp nhất — hợp nhất theo địa-phương và hợp nhất theo từng nghề rồi theo từng kỹ-nghệ hợp nhiều nghề.

Về địa-phương, các công-hội đều hợp lại chúng quanh những « sở nhân-công » (bourses de travail). Lúc khởi thủy các sở đó lập ra mục-dịch là để giúp cho người tìm việc và người tìm thợ để gặp nhau; sau các sở đó thành hội liên-hiệp các công-hội trong vùng, hợp lại để tổ-chức chung những công-ước mà

riêng từng hội không đủ tiền và đủ người để làm: lớp giấy về nghề-nghiệp, các cuộc nói chuyện về kinh-tế, khoa-học hay chuyên môn, phòng tìm việc, phòng vệ-sinh cứu tế vàn vàn

Sở nhân công đầu tiên thành-lập ở Paris năm 1837, tới năm 1892, tất cả 14 sở liên kết thành « liên-đoàn các sở nhân công (Fédération des Bourses). »

Một mặt khác, nhất là trong khoảng 1892-1902, những công-hội cùng làm một nghề khác nhau nhưng cùng thuộc vào một ngành kỹ-nghệ dần dần hợp lại thành các liên-đoàn nghề-nghiệp hay kỹ-nghệ: liên-đoàn thợ làm sách; liên-đoàn thợ làm gáo, liên-đoàn kỹ-nghệ kim-khí, tổng-công-hội thợ hỏa xa v. v Các liên đoàn ấy từ 1895 đã cố gắng lập thành một tổng liên-đoàn lao động.

Nhưng tới 1902, liên-đoàn các sở nhân-công Fédération des Bourses mới hợp nhất với tổng liên đoàn đó để lập thành « tổng liên-đoàn lao công » ở Pháp (Confédération générale du travail C. G. T.).

Tổng liên-đoàn năm 1922 lại chia ra làm hai vì các công hội không đồng ý về thái độ đối với đảng cộng-sản: những phần tử muốn theo chiến-thuật đã dùng ở Nga, là khởi cuộc cách-mệnh để cướp chính quyền, hợp riêng thành Tổng-công-hội hợp-nhất (Confédération générale du Travail Unitaire C. G. T. U.), hợp nhất đây là hợp nhất với đảng chính-trị cộng sản và hợp-nhất với Quốc-tế lao động cộng-sản ở Moscow — còn tổng-liên-đoàn cũ thì vẫn giữ thái độ trung lập về mặt chính-trị, theo như chương-trình đã định năm 1906 ở tổng-hội-nghị hợp lại thành phố Amiens. (vì thế nên vẫn gọi là Charte d'Amiens, điều ước Amiens). Nhưng tới tháng ba 1936 thì hai tổng liên-đoàn lại hợp nhất và căn cứ vào điều ước Amiens: tổng liên-đoàn (sẽ gọi là C. G. T.) sẽ hợp tất cả các công-ước tổ-chức của thợ-thuyền, không phân-biệt ý-kiến riêng của từng đoàn từng người về chính-trị, triết-lý hay tôn-giáo.

Nhưng bên cạnh C. G. T. vẫn còn có những công hội chịu ảnh hưởng của đạo Gia-lô; những công hội này cũng liên lạc thành Confédération française des Travailleurs Chrétiens (C. F. T. C.) Pháp quốc tổng liên-đoàn các thợ gia-tô, lập năm 1919.)

~~Quê hương và gia đình~~ ~~thợ-thuyền~~
Pháp mất nhiều thế-lực. Tuy vậy, từ cuối thế-
kỷ 19 trở đi, ta thấy giai cấp ấy — cũng như ở
Anh — đã hợp thành những « khối » rất to và
rất mạnh : sau cuộc hợp nhất năm 1936, trong
thời-kỳ phồn-thịnh nhất, 1937, C. G. T. có 5
triệu hội-viên ; còn C. F. T. C. thì có 40 vạn
hội-viên.

Cũng từ cuối thế-kỷ, thợ-thuyền ở Đức, Ý,
I-pha-nho v. v. liên kết thành tổng liên-đoàn
lao-động từng nước. Ở Mỹ, liên-đoàn lao-động
lập năm 1881, tới năm 1920 gồm được 4 triệu
hội-viên như, chỉ hợp những thợ chuyên-
môn : tại Nga, sau cuộc cách-mệnh bị thất-bại
1905, chính-phủ ban hành một đạo luật công
nhận cho thợ-thuyền quyền lập công-hội,
nhưng dưới sự cai-trị chuyên-chế của Nga-
hoàng, các công hội tiến rất chậm ; sau cuộc
cách-mệnh cộng-sản tháng mười 1917 sự
tổ chức về nghề-nghiệp của thợ-thuyền mới
tiến rất nhanh : các công hội giữ một địa-vị rất
quan-trọng trong sự xây-dựng nền kinh-tế mới
và thợ phải bắt buộc gia-nhập vào công-hội.
Năm 1935, số hội-viên tăng tới 20 triệu người.

Ở trong, thì hội hợp thợ thuyền thành
những cơ-quan có thế-lực, ở ngoài thì giai-
cấp cần lao liên-kết tổng liên-đoàn các nước
thành những hội quốc-tế lao động (Internationales
ouvrières).

Hội quốc-tế lao-động đầu tiên lập năm 1866,
nhưng đến 1870 bị cuộc chiến tranh Pháp-Đức
làm tan nát ; năm 1900, quốc-tế lao-động — (ta
không nên nhầm với quốc-tế xã-hội và cộng-
sản là các cơ quan chính-trị) — lại nhóm lại
lần thứ hai.

Trước cuộc chiến-tranh này, người ta phân
biệt ba cơ-quan quốc-tế lao động : là quốc-tế
ở Amsterdam (C. G. T. Pháp gia nhập vào hội
này), có khuynh-hướng xã hội ; quốc-tế ở
Moscou có liên-lạc mật-thiết với đảng cộng-
sản ; và quốc-tế ở La Haye liên-hiệp các công-
hội Gia tô.

Có một lực-lượng to — vì hợp được đông
người, tổ-chức vững-chãi, có những thủ-lĩnh
sang suốt và sẵn kinh-nghiệm, lại quen nghe
theo một kỷ luật — những cơ-quan lao-động
ở Âu-lày giữ một địa vị quan-trọng trong đời

sống của thợ-thuyền, trong sự tổ-chức kinh-
tế và xã-hội và trong nền chính-trị của các
nước.

Trước hết các công-hội ảnh-hưởng to về
công-cuộc cứu-tế và giáo dục giai-cấp vô sản.

Ở nước nào, các liên-đoàn lao-động, các
« sở nhân-công » cũng lập những phòng tìm
việc, quỹ cứu-tế, thư-viện bình dân, phòng y-
tế, phòng cổ văn và thông tin văn vãn, đề cứu-
giúp thợ-thuyền khi hoạn-nạn, chỉ dẫn họ
cho hiểu biết quyền-lợi của mình v. v. Những
cơ-quan ấy, cùng những cuộc hội-hợp, bàn
luận trong công hội từng nghề hay trong
những hội nghị toàn sứ hay quốc-tế đã nâng
trình độ trí thức và tinh thần của thợ-thuyền
cùng đại biểu của họ lên rất cao. Nhờ vậy họ
có dịp so sánh đời sống trong các nghề, các
miền, các nước ; phân biệt rõ điều có thể đạt
được và điều mơ-hồ ; suy nghĩ về những vấn-
đề bao-quát hơn là sự sống cặm-cui hàng
ngày : sự đoàn-kết, tinh-thần và quyền-lợi giai
cấp, lối tổ-chức gia đình, xã-hội ; những vấn-
đề kinh-tế và chính-trị v. v. Tóm lại, ta có thể
nói rằng các công hội là những lò rèn đúc
những chiến-sĩ thợ-thuyền khiến cho họ biết
nâng cao tầm con mắt để chỉ huy nổi những
công cuộc to tát, mà cũng là những nơi để
luyện cho giai-cấp vô sản một tinh thần, một
sự hiểu biết tối-thiền để hưởng ứng vào công-
việc những thủ-lĩnh của họ theo đuổi.

Tuy nhiên, ta không nên quên rằng, thợ-
thuyền vì khổ sở mà thấy cần phải đoàn kết
để làm cho đời sống của mình đỡ vất vả và
các cơ-quan lao-động trước hết là những cơ-
quan phấn-dấu. Vì thế các công-hội và tổng
liên-đoàn lao động các nước rất chú-trọng về
*sự đòi quyền-lợi kinh-tế cho thợ-thuyền và về
phương-diện này họ đã nhiều kết-quả.*

Quyền hội-hợp và quyền liên-kết, nghĩ việc
để bắt chủ phải theo điều yêu-cầu của mình,
đó là những kết-quả mà họ đòi được trước
nhất và đây cũng là những kết-quả quan-trọng
nhất vì đây là những lợi-khí đề đòi các quyền
lợi khác. Trong một đoạn dưới đây ta sẽ thấy
rằng rồi sau ở một vài nước, và vào vài
trường hợp, quốc-gia phải hạn chế những
quyền đó. Nhưng trong lịch-sử, nếu không kể
nước Nga là nơi một đảng cách-mệnh chính-
trị nhờ nhiều trường-hợp đặc-biệt đã phá đổ
được chế-độ chuyên-chế của Nga-hoàng để

lập một chính-phủ lao-công trong một hoàn-cảnh gần như không có sự tổ-chức sẵn của thợ-thuyền — nếu không kể nước Nga, thì ta nhận thấy ở nước nào giai-cấp vô sản cũng chỉ thành một sức mạnh sau khi đã đòi được quyền đoàn-kết để phấn-đấu về phương-diện nghề-nghiệp và bỏ lối tổ-chức bí mật mà theo lối tổ-chức công khai.

Sau khi đã đoàn-kết chặt-chẽ, giai-cấp lao-động biết dùng một cách hợp-thời, có kỷ-luật và vì thế có hiệu quả lối họ vẫn dùng từ 1830 để bắt chủ phải nhận nhời yêu-cầu của họ : là đình công.

Từ cuối thế kỷ 19 đã có nhiều cuộc tổng đình-công (toàn-thể thợ trong tất cả các nghề hay nhiều nghề điều nghỉ việc) do các tổng liên-đoàn khởi xướng ra; có khi để ủng-hộ một công-cuộc hay phản-đối một chính-sách có liên-lạc đến giai-cấp cần-lao, nhưng phần nhiều vì vào khoảng 1880-1900 những chiến-sĩ thợ-thuyền tin-tưởng rằng một cuộc tổng đình công sẽ làm cho xã-hội tư bản phải đổi để nhượng bước cho một xã-hội mới công bằng hơn.

Nhưng gần hết các cuộc tổng đình-công đều bị thất-bại hoặc vì chính-phủ hấy hoạt-động xã-hội bị ngưng-trệ liền dùng binh-lực mà đàn áp như ở Nga năm 1903 và 1905; hoặc vì không tán thành cách hành-động của thợ-thuyền, các lớp xã-hội khác tình-nguyện giúp sức chính-phủ để chế-chân thợ mà duy-động những ngành kinh-tế thiết yếu như ở Anh năm 1926; hoặc vì uy-đề sợ, mà các tổng liên-đoàn lao-động vẫn chưa đủ tiền để trợ-cấp cho toàn-thể thợ nghỉ việc cho tới khi đắc-thắng hay chưa có đủ uy-quyền để bắt toàn-thể công-hội điều nghỉ việc một lúc, như ở Pháp năm 1898, ở Anh và Pháp năm 1919.

Trái lại, những cuộc đình công từng nghề nhiều khi được thắng lợi vì nhờ sự tổ-chức của công hội, lao-động các nghề khác thường ủng-hộ được các thợ nghỉ việc, cả về tinh-thần lẫn tiền tài : năm 1889 phu các bến tàu ở Londres (Anh) tuy không có tổ-chức sẵn mà đã nhờ sự giúp đỡ ấy gây nên một cuộc đình-công có hiệu-quả.

Ngoài cách đình-công, thợ ở Hoa-kỳ (Mỹ) còn dùng một cách tranh-đấu khác : muốn bắt chủ rút giờ làm, ngày 1er mai 1886, thợ

đong lòng chỉ làm đủ 8 giờ rồi nghỉ. Cách « hành động trực tiếp » (action directe) ấy làm cho thợ thuyền ở Âu châu kinh-phục, và từ đây ngày 1er mai được lao-động toàn thế-giới coi là ngày hội lao-động. Ta nên nói thêm rằng năm 1920 ở Ý và 1936 ở Pháp, thợ-thuyền đình-công còn đóng chiếm các nhà máy để bắt chủ phải nhận những điều yêu cầu của mình, nhưng lối tranh-đấu ấy bị dư luận công kích và bắt buộc chính-phủ phải can-thiệp.

Dẫu sao nhờ sự tranh-đấu có phương-pháp và công-phu trong gần nửa thế-kỷ, nhờ sự đoàn kết, giai-cấp cần-lao ở Âu Mỹ đã dần dần nâng cao được trình-độ sinh-hoạt của mình.

Vệ-sinh ở chỗ làm việc, đại-biêu của thợ trong công sưởng để kiểm soát sự thi-hành kỷ luật và luật-lao-động; nghỉ chủ-nhật và chiều thứ bảy, nghỉ hàng năm mà vẫn ăn lương; tuần lễ làm nhiều nhất 48 giờ hay 10 giờ; ngoài số lương còn được phụ cấp gia-đình, phụ-cấp khi tai-nạn và bảo-hiêm xã-hội, hưu bổng khi tuổi già, phụ-cấp khi nghỉ việc; đàn bà và trẻ con làm ít giờ và làm những công việc hợp với họ; đàn-bà nghỉ trước và sau khi ở cũ; tiền lương tối thiểu tương đối với giá sinh-hoạt và công-hội thay mặt thợ đề-kiến-kết với chủ những hợp-đồng chung cho mọi người (contrats collectifs) như thế để tránh sự đe dọa, uy hiếp của chủ v.v đó là những điều lợi hiết-thực mà giai-cấp lao động Âu Mỹ đã dần dần đòi được.

Nhưng được thắng lợi về cách sống hàng ngày như thế giai-cấp lao-động vẫn chưa mãn nguyện. Vì trình-độ tri-thức đã cao vì vẫn thường phải suy nghĩ đến những vấn đề kinh-tế và xã-hội to-tát ở trong các cuộc hội nghị toàn quốc hay quốc-tế, họ còn mong mỗi một cuộc hay đời lớn-lao hơn nữa là sự tổ-chức hẳn lại xã-hội.

Vậy ta nên xét qua đến *ảnh hưởng của các công-hội về mặt chính-trị*.

Từ giữa thế-kỷ 19, các nước ở Âu-Mỹ lần-lượt thi hành lối phổ-thống đầu phiếu và ở đâu, bất kỳ là dưới chính-thể dân-chủ hay độc-tải, quần-chúng cũng chiếm một địa-vị chính-rị tối quan-trọng. Nhờ lối nhiên, chỉ buy một lúc hàng triệu người, những thủ-lĩnh lao-động nhận rõ thấy sức mạnh của giai-cấp cần-lao và không thể không đề ý đến những vấn đề chính-trị và tổ-chức toàn-thể của xã-hội. Vì thế từ cuối thế-kỷ 19 có rất

hiều liên-lạc ở giữa các đoàn thể lao-động và các đảng chính-trị tả hay cực tả.

Trong phạm-vi bài này, ta chỉ nên nhận rằng tùy từng nước, mỗi liên-đoàn lao-động có một thái-độ riêng đối với các đảng chính-trị và có một chương-trình riêng về sự cải-ạo xã-hội.

Ở Pháp, và ở Anh, các công-hội chủ-rương sự sung công các ngành kỹ-nghệ căn bản (như mỏ, bảo hiểm, quốc-phòng, vận-ai v. v.) và kiểm-soát chặt-chẽ các ngành khác (ngân hàng, che-tạo v. v.). Ở Pháp thì từ 1906 C. G. T. nhất định đứng trung lập về chính-trị, tuy vẫn thiên về các phái tả và năm 1936 đã hợp sức với các phái ấy để lập chiến-tuyến binh dân. Ở Anh thì từ 1875, các công-hội đã đồng thời theo đuổi sự hoạt động về chính trị cùng với sự hoạt động về kinh tế; từ hồi ấy đảng lao-động (Labour Party) luôn luôn có đại-biểu ở Hạ-nghị-viện, và năm 1931 lại chiếm đa số trong nghị viện đó và đứng ra lập chính phủ (Mac Donald).

Ở Nga thì ngay từ lúc đầu, các công hội đã thanh phụ thuộc của một đảng chính trị: là đảng cộng sản. Tại Ý trong thời kỳ phát xít và ở Đức từ hồi Hitler cầm quyền, các đoàn thể thợ thuyền cũng bị đảng chính trị của chính phủ nắm chắc trong tay. Trước khi đại tướng Franco thống nhất nước Y pha Nho, công hội hước ấy bị ảnh hưởng sâu sa của chủ nghĩa vô chính phủ (anarchisme): chủ nghĩa này chủ trương bỏ hẳn những cơ quan chính trị để giao hết sự tổ chức kinh tế và xã hội cho các công hội của thợ thuyền.

Ta xem thế thì thấy đứng trước sự tiến bộ của phong trào lao động và những khuynh hướng mới của giai cấp vô-sản — cũng như đứng trước sự tập-trung của tư bản — quốc gia không thể đứng địa vị khách quan về mặt kinh tế và xã hội như hồi đầu thế kỷ 19 được nữa. Đứng trước hai lực lượng đồ sộ — lực lượng của tiền và lực lượng của số đông — quốc gia thay cần phải chọn: phải can thiệp mạnh mẽ vào nền kinh tế hay phải thoái vị để cho tư bản và vô sản tranh đấu và gây cuộc hỗn loạn trong xã hội.

(còn nữa)

V. V. H.

MỘT KỲ SAU SẼ ĐĂNG TIẾP:

Chính-phủ can thiệp vào kinh-tế

Hiển p

Kết quả cuộc cách-mệnh Tân-hội (Tiếp theo)

Ngay chính Tôn Dật Tiên là một người suốt đời tận tụy với cách mệnh thất bại nhưng không bao giờ nản chí, mà cũng phải tuyên bố rằng: « Gần đây trào lưu cách mệnh truyền sang Đông phương, rồi danh từ Tự Do cũng lan khắp các nước. Có nhiều học giả, chí sĩ khởi xướng tư tưởng mới, giải nghĩa chữ Tự Do một cách rõ ràng, vì vấn đề định rõ nghĩa chữ Tự Do là một vấn đề họ coi rất quan trọng. Ở Âu châu, đã ba trăm năm nay tư tưởng ấy đã phát triển, các cuộc chiến tranh hầu hết là mưu sự Tự Do, cho nên dân chúng Tây phương đã lĩnh hội được nghĩa chữ « Tự Do » rải lại danh từ ấy từ ngày sang Trung Quốc, thì chỉ có một số ít, người trí thức đã có công tìm xét suy nghĩ, mới hiểu thấu, còn như phổ thông dân chúng, như người hương thôn, khách thành phố, đã hiểu đâu được nghĩa chữ « Tự Do ».

Nói tóm lại tư tưởng dân-quyền của cuộc cách mệnh Tân Hội chưa thấm nhuần vào dân chúng, thì lẽ dĩ nhiên dân-quyền chưa thể thực hiện được.

Dân chúng Trung Hoa còn cần phải chính-trị giáo hóa, mà muốn chính-trị giáo hóa được nhanh chóng và phổ thông thì Trung Quốc cần phải được độc lập, thống nhất trong một cuộc thái bình vững chắc. Trải bao năm kinh nghiệm Tôn vẫn đã nhận thấy vậy nên đã phát khởi chủ nghĩa chính trị tuần tự theo ba thời đại: *quận chính thời kỳ*: mục đích hợp nhất Trung Quốc bằng binh lực; *Huấn chỉnh thời kỳ*: lấy Quốc-Dân-Đảng mà trị toàn quốc và nhìn độ giáo hóa chính-trị quốc dân. *Hiến chính thời kỳ*: khi quốc dân đã đủ tư cách chính trị, lúc đó lập hiến-pháp căn cứ vào nguyện vọng của dân chúng. Chương trình ấy đã thực hành được một phần, và ta sẽ thấy phản ảnh của nó trong hiến pháp hiện hành của Trung Quốc.

Dẫu sao, đứng về phương diện dân quyền, tuy mục đích chưa hoàn toàn đạt được, nhưng

háp Trung-hoa

PHAN ANH

nền tảng, cơ sở của dân-quyền đã có thể gọi là vững chãi. Nền tảng đó là *chính thể dân-quốc*. Một điều ta đáng chú ý là từ ngày dân-quốc thành lập, dẫu đã xảy ra nhiều cuộc biến cải, thế mà không hề có lúc nào chế-đoàn-quân-chủ được hoan nghênh: Viên Thế Khải, Trương Huân mới dự định công cuộc, mà đã bị toàn quốc phản kháng và đồng chí bỏ rơi; mà đến về sau này tuy trong nước có nhiều phong trào chính trị, đảng phái phân tranh, mà tựu trung ta không hề thấy có một đảng phái nào giám khởi xướng chủ nghĩa bảo hoàng.

Đó là một dấu hiệu của nền móng vững vàng của Dân Quốc. Mà xét ra, cũng không lấy gì làm lạ vì ngay thời đại quân-chúa, Trung Hoa đã có những cơ quan, những tính cách của một chính-thể dân-quốc; và chẳng dẫu với đại số dân chúng thì Quân chủ cũng chẳng có gì là hay mà Dân chủ cũng không có gì là dở ?

Với căn bản ấy sự giáo hóa chính trị dân chúng Trung Quốc có thể gọi là dễ và kết quả có thể gọi là chóng. Tư tưởng chính trị Âu Tây tuy đối với óc họ là mới, nhưng trí họ sẽ chóng hấp thụ được, vì họ đã sẵn có cốt cách văn minh và khuynh hướng bình đẳng.

Trung quốc có thể nhìn tương lai với một con mắt lạc-quan, tuy rằng hiện tại còn nhiều khó khăn, đau đớn.

Mà một nỗi khó khăn đáng kể là sinh kế của quốc dân.

3) *Năng cao trình-độ dân sinh*. — Ở nước Tàu cũng như ở các nước khác, vấn đề dân sinh có thể gọi là một vấn đề « nảy lửa »; và so với các nước khác thì ở đây nó lại gay go hơn vì trong khoảng từ giữa thế kỷ 19 đến nay nền kinh tế Trung-Hoa đương qua một bước giao thời,

Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 này, kinh tế nước Tàu có thể tóm tắt trong hai chữ « tiêu nông », Đại đa số nhân dân làm nghề cấy, mỗi người có một tư bản nhỏ, lợi tức phân phối có thể gọi là đều, đều trong sự thanh bạch.

Tôn Dật Tiên, có viết: « Dân Trung-Quốc đại đa số là nghèo, không thể phân tách ra giai cấp khác nhau; chỉ có một hạng: là hạng nghèo. Tuy nói rằng có kẻ giàu người nghèo, nhưng chẳng qua, thực ra thì phải nói rằng: trong bọn nghèo, có người nghèo vừa, có người nghèo lắm. Một người Trung Hoa mà gọi là đại tư bản gia, so với tư bản gia ngoại quốc thì chỉ đáng là một anh tiểu hân, còn những người Trung Hoa khác là bọn đại bản » (Dân sinh chủ nghĩa)

Cứ theo một cuộc điều tra của một nhà chuyên môn nông học tốt nghiệp trường quốc gia nông học tỉnh Versailles, và đã làm lãnh-sự ở Trung-Quốc, vào cuối thế kỷ 19 là ông G. Simon, thì nhời phán đoán trên kia của Tôn Văn rất đúng với sự thực, đúng cả với những con số ta lấy ở bản điều tra của ông Simon (la Cité chinoise).

Công nhật họ cấy: 15 centimes đến 20 c + 2 bữa cơm.

Công nhật thợ mộc: 50 centimes không cơm.

Công nhật thợ sơn: 50 đến 60 centimes không cơm.

Tiền xem bệnh thầy lang: mỗi lần: 25 đến 50 centimes.

Một gánh hát 30 người diễn trong 48 giờ: 150 francs.

Cứ xem bảng điều tra đó thì số thu nhập của mấy hạng người trong xã hội, không có gì là chênh lệch, và trung bình ta có thể lấy con số là mỗi ngày lợi tức được trên dưới 50 centimes.

Nay hãy đem so sánh số tiền chi tiêu của hạng bần dân ấy với số tiền chi tiêu của một nhà có thể gọi là khá giả.

Nhà này có 14 miệng ăn, và có 29 mẫu vựa điền vừa tho.

Đồng niên thu tất cả các lợi tức (mùa màng và chăn nuôi gà lợn) là 7142 francs.

Về chi tiêu:

131.00	tiền sưu thuế
581.00	giá hao mòn dụng cụ
461.00	thóc giống

1171.00

1171.00	
226f.00	phần
225f.00	còn 3 thợ
552f.00	tiền nuôi gia súc
57f.00	than để sấy chè
55f.00	mua gia súc
150f.00	chữa nhà
14382f.00	<u>tổng cộng</u>

Số tiền chi, tiêu ấy có thể nói là không phải tiêu cho thân thượng người có của. Nó là tiền tiêu để sản xuất. Chính thật chi tiêu cho thân thượng người trồng nhà là những món sau đây:

1589f.	tiền ăn của người nhà
222f.	giá hao mòn đồ đạc dùng trong nhà
500f.	giá hao mòn quần áo
250f.	đền sách, cúng lễ, thuốc thang, tiệc tùng, giải trí

30f. đóng góp các thứ

2591f. (1) Tổng cộng

Nếu đem chia số tiền này ra 14 người thì ta thấy mỗi người một ngày tiêu hết là 50 centimes.

Vậy đem so sánh trình độ sinh hoạt của gia đình khá giả với người thợ cấy thì ta thấy rằng không khác nhau chút nào.

Tuy so sánh lợi tức thì có khác nhau, nhưng chi tiêu thì không khác nhau. Nhà giàu, khác nhà nghèo chỉ ở chỗ là ngoài « cửa ải » lại còn có « cửa ải », và « cửa ải » đó thì lại dùng để mua ruộng đất, và mua ruộng đất thêm nữa thì lại phải mượn người làm công, nói tóm lại cửa ải dành của nhà giàu kia không làm tăng cao trình độ sinh hoạt của họ, mà chỉ đem phân phối một cách gián tiếp cho những người nghèo khác.

Người giàu tuy « có cửa » nhưng không « hưởng thụ cửa » hơn người nghèo. Sự hưởng thụ của hai bên đều nhau. Duyệt về phương diện tinh thần, thì người giàu được vịnh hạnh hơn, và được yên tâm hơn vì có cửa ải dành.

Xét cho kỹ thì cửa ải dành của gia đình khá giả trên kia, 29 mẫu ruộng, và mỗi năm độ 3000f, nếu đem chia ra 14 người thì còn được là mấy! Nhà giàu với chế độ địa thế, thường rất nhiều con cháu; cho nên lấy óc gia đình mà tính thì có gia tài to, nhưng ta chớ nên quên rằng gia tài ấy đem chia ra thì mỗi người trong gia đình giàu kia, cũng không giàu hơn ai.

Nói tóm lại xã hội Trung Hoa là một xã hội người nghèo, và phần đông đều là tiểu địa chủ. Trên kia, trong bảng thống kê của ông Simon, có nói đến thợ cấy, nhưng ta nên nhớ rằng

thường thì thợ cấy cũng có một ít ruộng không ruộng tư thì cũng ruộng công.

Điều tra về tình hình nông-nghiệp ở Trung Hoa, ông Simon nói « Người Tàu cho rằng địa sản to không những vô ích mà lại có hại. Cho nên hình như chính-phủ Tàu tìm hết cách để ngăn ngừa » (La Cité chinoise trang. 289). Ông cho rằng vì muốn tới mục đích ấy, nên nhà lập pháp Trung Hoa đã đặt ra những lệ luật để bảo thủ những địa-sản nhỏ; thí dụ như những lệ luật sau này: đất trong nước phần nhiều là đất công, và đã là đất công thì không được ai mua hay chiếm làm của riêng. Nhà nước chia đất công cho nông dân để cấy cấy, và ai bỏ không cấy cấy thì nhà nước lại lấy lại, bởi thế nên bọn đầu cơ địa lợi chỉ có vốn mà không chịu trực tiếp xuất công thì không có hy vọng gì về đất ấy, và nhất là không thể mua được. Còn về đất tư thì của hương hỏa, kỵ diên, không thể bán được. Cho nên những tiểu sản có thể đứng vững được lâu bền: dầu có những hạn hẹp của « phá gia », hay những phước gia vô yếm, những tiểu sản kia là của mồ hôi nước mắt của một gia đình cần kiệm, có thể di truyền mãi mãi làm một thứ vốn rất quý, cho con cháu, mà không bị sát nhập vào tư bản của những lũ cường hào.

Trái lại, những địa sản to của cha ông giàu có dễ lại, thì rất dễ tan: ngoài phần hương hỏa ra (là một phần rất ít) con cháu có thể bán một cách rất dễ dàng, vì thế lệ mua bán bất động sản ở nước Tàu xưa rất giản dị, và nhất là không phải giả thuế.

Ngoài những nguyên nhân về pháp luật và chính trị ấy, ta còn thấy một nguyên nhân thuộc về tâm lý và tinh thần, nó là cái đặc sắc của văn hóa Trung Hoa; ấy là quan niệm nhân sinh khinh vật chất trọng tinh thần. Với quan niệm ấy người Trung Hoa khinh bọn được phú mà quý hạng hàn nho; trọng phú bị khinh nên sự đua tranh làm giàu ít người mơ tưởng, mà hàn nho được trọng nên cuộc được thua nơi văn tự mới thật là phiêu chuẩn của khách hiền tài. Có người bảo chữ quý chẳng qua chỉ là một dịp cầu bậc chữ bán sang chữ phú, và thiên hạ chuộng hàn nho chẳng qua cũng vì gã hàn nho mai sau sẽ thành bậc đại quan có tiền của, có thể tức, ; nhưng đó chỉ đúng một phần nhỏ. Vì biết bao nhiêu hàn nho không có tương lai không có hứa hẹn mà vẫn

(Xem tiếp trang 27)

NU'Ó'C Ý SAU TRẬN CHIẾN TRANH 1914-1918

ỨC MAI

II

Nội các đầu tiên cho Mussolini cầm đầu không phải là hoàn toàn phát xít. Nội các gồm có một đại tướng (Diaz), một đô đốc thủy quân (Thaon di Revel), một giáo sư (De Ghitile), một đảng viên đảng quốc gia (Federzoni), hai đảng viên binh dân (Tangorra và Cavazzoni), với hai đảng viên dân chủ (Carnaza và Rossi).

Buổi đầu, lúc nội các ra mắt nghị viện, Mussolini đã báo cho các ông nghị hay rằng mình có quyền giải tán nghị viện nhưng chưa muốn làm. Vì mình vẫn kính trọng chế độ lập hiến quân chủ. Thủ lĩnh phát xít chỉ yêu cầu một điều là đừng có gì ngăn trở cuộc cách mạng của mình mà thôi. Có 52 ông nghị đảng tên chất vấn nhưng Mussolini không cho một ai lên tiếng. Bất nghị viện phải cho mình toàn quyền hành động. Nghị viện bỏ 306 phiếu đối 116 phiếu và 7 phiếu trắng ưng chuẩn. Máy ông tổng trưởng cũ cũng bỏ phiếu cho đảng phát xít; các viên chức cao cấp theo đảng tự do cũng đều vào đảng phát xít tất cả.

Nhưng trong nước vẫn còn rối loạn, vì các đảng viên phát xít ở các tỉnh làm nhiều điều quá đáng. Như ở Turin trong đêm 18 rạng ngày 19 tháng chạp 1922 có tới 21 dân thợ bị xử bắn; ở Sardaigne cũng vậy. Mussolini phải ra tay tây uế đảng và dần dần những chuyện đó mới bớt đi. Ngày 22 tháng chạp một đạo sắc-lệnh ân xá cho hết các tội về chính-trị và bắt đầu từ 1923 đảng phát xít tổ chức lại tại nước Ý.

Chế độ phát xít

Ông Phan-Anh đã khảo cứu mạch-lạc về chế độ phát xít. Trong bài này chúng tôi chỉ nhắc đến những việc làm của Mussolini từ lúc đảng phát xít bắt đầu lên cầm quyền mà không đi động tới các lý-thuyết. Và chẳng nhiều nhà phê-bình về chính-trị đã từng nói rằng « chương trình của đảng « áo sonni đen » không nhất định chỉ tùy theo trường-hợp mà biến-đổi. Cứ xem một việc lúc trước Mussolini phản đối nên quân-chủ bao nhiêu mà lúc lên cầm quyền lại thay đổi hẳn thái-độ thì đủ rõ.

Chế độ phát xít là một chế độ độc đoán. Mussolini không ngần ngại gì dùng chính sách bạo tay để đàn áp các chính đảng khác và dân chúng.

Vừa mới cầm quyền, đảng phát xít đã tổ chức lại đội quân phát-xít để giữ việc tuần-rảnh cùng các đội cảnh-sát có sẵn. Vì thế nếu có phe nào chống nghị gia tổ phản đối kịch-liệt. Vào tháng tư 1923 các thượng-thư gia-tô đều từ chức.

Muốn chiếm phần thắng, Mussolini đưa tích một đạo luật bầu-cử, cho những đảng nghị-chức được 35% số phiếu bầu được thêm ghế ở nghị-viện. Các ông nghị tự do vì sợ bị đánh giết phải bỏ phiếu ưng thuận (có 303 phiếu thuận, 140 phiếu ngược và 7 phiếu trắng). Tháng giêng 1924, nghị-viện bị giải tán để Mussolini có thể thi hành đạo luật bầu cử mới. Kết quả 355 đảng viên phát xít được bầu lên mà phải phản đối chỉ có 150 người. Bỏ nhiều lợi đồng thị xã đều bị giải tán trước khi bầu cử để các đại biểu phát xít thay quyền.

Phái phản đối bị trừng trị tàn nhẫn ở nghị viện phải do ông nghị xã hội Turati và ông nghị dân chủ Amendola cầm đầu. Ngày 30 tháng 5 năm 1924, ông nghị xã hội Matteotti diễn thuyết một xít chế độ phát xít; ngày 4 tháng sáu ông công kích ngay chính phủ Mussolini. Đến mùng mười thì ông mất tích. Sắc ông mãi đến 14 tháng 8 mới tìm thấy. Vụ án sát làm sộ nổi dư luận vì Matteotti chính bị một bọn phát xít do Dumini giết. Đầu giết chết, Dumini lúc đó coi phòng báo chí ở nội các.

Tuy vậy phái phản đối không bạo động gì cả. Các ông nghị phản đối chỉ nhất định không họp nữa. Trong đảng phát xít cũng có ít nhiều người yên cầu tây uế đảng và bắt thủ lĩnh Mussolini phải từ chức.

Vì không có bạo động, nên Mussolini vẫn hồi được tình thế. Máy quan chức cao cấp phải từ chức: Farzi, thủ trưởng nội vụ, Bossi, chánh phòng báo giới, de Bosis, chánh lý mật thám. Mussolini lui nhường chức thượng thư nội vụ cho Ferdanconi, còn bọn Dumoni bị bắt giam. Ngày 26 tháng 6 thủ lĩnh phát xít diễn thuyết ở Thượng Nghị Viện cam đoan sẽ thôi không dùng phương pháp tàn bạo ấy nữa và được Thượng Nghị Viện ưng chuẩn.

Nhưng sập khi thấy sắc Mat eoí và các báo công bố lời khai của bọn Dumini buộc tội cho Mussolini bị phong trào phản đối phát xít. Ngày 24 tháng chín, một thủ lĩnh nghị-viện đoàn

phát xít Casolini bị ám sát. Ngày 28 tháng mười nhân lễ chiến thắng có nhiều vụ đánh lộn. Đến tháng chạp, Mussolini phải lập phòng kiểm duyệt và gọi lính phát xít. Ba vị thượng thư trong nội các từ chức nhưng Mussolini quả quyết không từ chức và phải nhẫn nhịn để dành im tiếng. Vụ án Matteoli kết liễu ngay 24 tháng ba 1925, có 2 án tử và 3 án tù nhưng dần dần họ được ân xá cả.

Bắt đầu từ đó sự trừng phạt, đàn áp phải phần dãi càng tăng lên. Đầu tháng mười năm 1925, các hội tam điểm bị giải tán; đầu tháng một đến lượt đảng xã hội. Ngày 4 tháng một nghị viện xã hội Zaniboni bị bắt và xử chức ám sát Mussolini. Nhân đó đạo luật ngày 21 tháng chạp năm 1925 ban hành trừng phạt những điều bất kính đối với thủ tướng. Đạo luật ngày 24 tháng chạp định rõ quyền hạn của thủ tướng, quyền hạn đó rất rộng. Đạo luật ngày 17 tháng giêng năm 1926 cấm các nghị viên phản đối không được trở lại nghị viện. Đạo luật ngày 26 tháng giêng hạn chế quyền của báo chí. Những đảng viên các đảng phải đối trốn ra ngoài, quốc đều bị đạo luật ngày 29 tháng giêng trừng phạt. Hội đồng các thành phố mất tự do. Hàng ngàn người bị bắt, bị đẩy ra đảo Pantelleria; nhiều tờ báo bị tịch thu, khám xét; các phần tử phản đối bị trừ khử. Hội nghị triết học của các trường cao đẳng vì bàn về vấn đề tự do mà bị cấm. Hội đồng các luật sư bị bắt buộc không được bàn cãi. Nhiều vụ ám sát Mussolini xảy ra, tội trạng của các thủ phạm chẳng được rõ rệt cho lắm: Violetti ở Bson, một bà già người Ai Nhĩ Lan, bầu sưoi mũi Mussolini, một quả bom nổ ngày 11 tháng chín, một đảng viên cộng sản bắn một phát súng lực ở Bo'ogne.

Tội tử hình được lập lại để trừng trị những kẻ chống lại chế độ phát xít. Một tòa án riêng xử các việc có hại cho trật tự quốc gia, các bản án không được chống lên tòa trên.

Vì đó mà sự phản đối trong nước gần như không có nữa.

Ngay trong nghị viện, phái phản đối cũng phải im tiếng vì đạo luật ngày 16 tháng ba năm 1926 giao cho Thượng hội đồng phát xít việc cử các nghị viên. Năm 1929 trong số 8.619.600 người đi bầu có 8.506.576 bầu cho phát xít.

Đảng phát xít mạnh bạo nhiều thì quyền lực của thủ tướng nó càng càng tăng lên bấy nhiêu. Vua Victor Emmanuel chính thật không có quyền gì mà bao nhiêu việc đều do Mussolini định đoạt. (Đạo luật ngày 24 tháng chạp năm 1925). Chính phủ có quyền giải tán các hội đồng thành phố, bổ các công sứ ở các tỉnh; đạo luật ngày 31 tháng giêng năm 1926 bãi công nhận cho quyền hành chính định được các nguyên tắc về luật pháp. Từ năm 1926 Ý quốc ngân hàng thành cơ quan duy

nhất phát hành tiền tệ. Đạo luật ngày 9 tháng chạp 1928 định rõ địa vị lập hiến của Đại Hội Nghị phát xít. Hội Nghị đó từ nay thành một cơ quan của quốc gia Ý.

Muốn củng cố địa vị của đảng phát xít và của chính mình Mussolini cho thi hành hai phương sách:

1) Trước hết chính Mussolini giữ gần hết các bộ trong nội các. Cho đến ngày 24 tháng giêng 1935 mà thủ tướng còn kiêm 7 bộ trong số 13 bộ của nội các. Các quan chức giữ các chức vụ cao cấp trong nước đều thay đổi luôn luôn một là vì Mussolini muốn cho ai nấy đều thành thạo đủ các việc, hai là vì ông không thích cho một người giúp việc nào của mình ở mãi một chỗ để có đủ ảnh hưởng, quyền thế có hại cho thủ tướng.

2) Thanh niên Ý đều phải giáo dục một cách riêng để cho các đảng tự do, trường giả và gia tộc không còn một chút ảnh hưởng nào nữa.

Cơ quan quốc gia giáo dục « Balilla », tổ chức như quân đội gồm có hàng triệu trẻ con giai, gái từ sáu tuổi trở lên. Lập từ năm 1923 đến năm 1929 thì đoàn Balilla nhập vào quốc gia Ý. Đến 18 tuổi thì trẻ con lại phải nhập vào đoàn Tiên phong (avant-guardistes) rồi vào đoàn « Thanh niên Ý ». Người lớn thì nhập vào các quân đội phát xít hay vào đảng phát xít.

Muốn cho dân Ý nức lòng, chính phủ hết sức mở mang trong nước; sự gắng sức đó có nhiều thành tích rực rỡ nhất là về vệ sinh, công tác, phục hưng lại hành La Mã cổ, khai thác các đất lầy ở phía Nam. Quân đội được tổ chức lại: thủy quân rất mạnh về tàu ngầm, không quân nhờ về những cuộc biểu diễn của thống tướng Balbo mà nổi tiếng trong thế giới vì khéo liên lạc lại có những thành tích giỏi (một võ quan Ý đã chiếm kỷ lục bay nhanh nhất thế giới).

Về phương diện kinh tế thì vấn đề gay go nhất lúc Mussolini mới cầm quyền là sự tranh đấu giữa hai phái chủ thợ. Đạo luật ngày 3 tháng tư 1924 lập ra nghiệp đoàn thay cho các liên-đoàn cũ. Các nghiệp đoàn hợp lại thành một cơ quan trung ương. Lao-Công-Hiến-Pháp ban bố ngày 21 tháng tư 1927 định rõ quyền và phận của các lực lượng sản-xuất, nào cấm đình công, cấm đóng cửa xưởng máy, lập liên đoàn chủ-thợ, cho thợ được dự một phần kiểm soát sự sản xuất, thi hành tuần lễ 40 giờ văn vãn... Từ 1928, nghị-viện cũng tổ chức theo nguyên tắc nghiệp-đoàn. Sắc lệnh ngày 29 tháng ba 1929 bắt mỗi liên đoàn phải có một phòng tìm việc cho thợ. Từ 1934 giờ đi thì mỗi người thợ phải có một quyền sở có chứa sức khỏe, tài lực cùng các nhời phê của chủ... Việc tổ chức các trò giải trí cho thợ như thể thao, thư viện, chiếu bóng, ca kịch rất chu đáo. Về các ngành canh nông việc giồng gặt và đời sống dân cây đều tổ chức theo lối dân

thợ: dân cày cũng có điều lệ, các nhân công đều do chính phủ phân phát, thanh niên và thợ thuyền phải dự vào việc gặt hái, nhà nước cho các tiền điền chủ vay, mở mang thêm ruộng đất ở các miền lầy, xây dựng làng, đường cái, tuyên truyền sự dùng máy móc v.v. v.v.

Vấn đề tài chính cũng được Mussolini chăm chú ngay từ đầu vì các chính phủ cũ đều vung tay quá trán. Nước Ý sau trận đại chiến 1914-18 đã nghèo lại, thêm nghèo mà các nội tư do lại dùng những phương pháp vô ý thức. Năm 1921-22, ngân sách của nước Ý, lỗ 60 vạn vạn, năm 1922-23 là 90 vạn vạn.

Mussolini vừa mới lên cầm quyền đã thi hành ngay những phương sách tiết kiệm triệt để: bỏ độc quyền muối, diêm, thuốc lá cà phê, bãi bỏ của chiuu phủ, thả hồi 4 vạn công chức, sén bớt chi tiêu, giảm một vài thứ thuế, bỏ thuế danh vào phần gia tài con cháu được hưởng của cha mẹ, ông bà, v.v. v.v. Trước kia chính phủ dùng tay vào nhiều ngành hoạt động kinh tế: những ruộng của chính phủ quản trị đều lỗ vốn, đối với dân chúng lại có tính cách dè dặt, bất công. Mussolini bỏ hết, để mặc tư nhân tổ chức kinh tế. Nhưng chính phủ có rất nhiều cơ phần trong các hội vô danh thành ra các ngành kinh tế đều có tay chính phủ. Các ngân hàng đều đứng trung gian để vay hộ cho nước Ý vì, dù tiết kiệm hết sức, ngân khố cũng không đủ tiền để làm các việc công tác to lớn.

Sự liên lạc mật thiết giữa chính phủ và kinh tế có một ảnh hưởng không hay là nền tài chính của nước Ý thành ra cũng theo các cơ quan kinh tế tư nhân mà thăng trầm. Đồng lire vì thế lên xuống không chừng lực lên tới 150, lúc xuống tới 83. Đồng tiền đã không vững giá, trong nước thường xảy ra nhiều vụ rối loạn về tài chính.

Làn sóng kinh tế khủng hoảng hiện ra ở Mỹ năm 1924 lan, tới Ý và đến 1931 đã có tới 70 vạn người thất nghiệp trong nước. Chính phủ phải can thiệp vào tìm cách hạ giá sinh hoạt, sống, giảm lương bổng.

Liền đó lại có vụ chiến tranh với Ethiopia nước Ý phải sống một nền tài chính đặc biệt. Vì hội Vạn Quốc thi hành sự trừng phạt về kinh tế, nên có nhiều nước giảm buôn bán với nước Ý. Ý vốn nghèo về nguyên liệu và thực ăn nên phải gắng hết sức mới qua được thời kỳ chiến tranh.

Ngay từ 1935 chính phủ đã ra lệnh kiểm soát hối đoái, thi hành những phương sách hạn chế về thương chính, giữ độc quyền về than và kim khí. Đồng lire không có kim bản vị nữa! Bao nhiêu người có trái khoáy ở ngoại quốc đều phải đến Ngân Khố quốc gia đổi lấy quốc trái 5% hán 9 năm.

Ngày 38 tháng tám 1935 nội các họp ở Bolzano hủy-dộng kinh-tế và tài chính toàn quốc. Trong 3 năm, không một hội nghị hay hội bi ân nào được chia lãi quá 60%, chỗ thừa phải để mua trái phiếu quốc gia. Lợi tức, tiền lãi bị danh huế 10. Nhà nước đứng lên vay, lại phát hành tiền lire-giấy rồi tiền lire cho các khách du lịch.

Ngày 4 tháng 3 1936, ngân hàng Ý trước kia độc lập, nay bị sung công thành quốc gia ngân hàng. Các nhà ngân hàng đều bị kiểm soát.

Việc buôn bán với nước ngoài cũng thuộc quyền của chính phủ. Việc giồng giot được khuyến khích cực lực nhất là về lúa mì (77 triệu tấn năm 1935, 80 triệu năm 1937). Việc dùng dầu sáng của các xe hơi tư gia bị hạn chế, máy móc phải đổi bỏ chạy khí than.

Các báo được lệnh nâng cao tinh thần chiến đấu, nhiều cuộc biểu tình lớn, nhiều bài diễn văn bốc lửa cổ vũ dân chúng cái không khi hi sinh: tháng chạp 1935, người ta mời các phụ nữ mang biểu trưng phủ các tư trang và nhân cưỡi của mình, các con trẻ thì biểu đồ chơi kim khí.

Sự gắng sức ấy làm yếu hẳn tinh thể tiền tệ: giá thực phẩm tăng lên 20%; phải đặt ra nhiều thứ thuế mới để bù gở nhưng cũng không đủ.

Đến cuối năm 1938 tình hình càng nguy ngập. Mùa màng năm đó kém hẳn: một đạo sắc lệnh bắt phải trộn vào bánh 20% bột ngô. Từ 20 tháng 10 năm 1935 các con số của chính phủ công bố không có nữa nhưng người ta cũng đoán rằng ngân khố bị sút kém. Giá sinh hoạt tăng lên: năm 1931 có 62 thì tới tháng 5 năm 1938 lên tới 99,7.

Nói tóm lại, lúc nước Ý nhập chiến với Đức thì tình hình tài chính và kinh tế cơ bản đã hết kho khăn.

Ngoại giao

Bắt đầu năm cầm quyền, đảng phát xít đã thắng lợi trong trường ngoại giao. Năm 1923, đại tướng Togliatti người Ý, được cử ra phái chia địa giới với nước Albania, bị ám sát với cả phái bộ ở đất Hy Lạp. Mussolini áp lực chiếm và danh phá Corfu gửi tới hậu thư cho Athens. Hội Vạn quốc định điều đình nhưng thủ tướng Ý, hèn dốt dụng phụng trào quốc gia đương hồng hộc dọa từ chức ở hội Quốc Liên, Hy Lạp phải chịu thua xin lỗi, làm lễ cầu hôn ở nhà quý Ahenes có toàn chính phủ Hy Lạp tới dự và làm lễ quốc lạng lạng trọng cho phái bộ Ý. Người ta mở một cuộc diễu tra quốc tế và Hy Lạp phải một ghơ một nhà băng Thụy Sĩ số tiền 50 triệu livres Sterling để giả cứu khoản bồi thường.

Việc đó đã làm tăng thế lực của đảng phát xít rất nhiều khi liên ngày đó Mussolini tại thượng lộ trong công việc điều đình Tòa Thánh.

(Xem tiếp trang 20)

nhơn cách Á-Q có được nhất-trị không? Hàng chưa
bầu đến làm gì, Hịch vế thiếu, cuối cùng vậy. Vì
sao mà thành-hình, bày mưu kế lại, gây-truyện sẽ
cũng khá dài. Thường tôi vẫn nói: văn chương
tôi không phải là thứ văn cuộn cuộn chảy ra; phải rút
phải kéo nó mới ra. Nghe tôi nói, cố người đã hỏi
tôi là quê khiêm tốn. Nhưng, thiệt tâm là thế đấy.
Xưa nay, tôi ghê có truyện gì gọi là thế phải nói
ra một được mà cũng chưa hề có văn chương gì
báo là không viết ra không thể chịu nổi. Dẫu
thình thoảng cũng có làm lúc đỡ hơi, nên thành
thứ vài khổ minh: Số là làm tức thì muốn thét
lên mấy tiếng, để cho người là hàng hải lên một ti
Hải là lấy còn bỏ ôm làm thì dụ vậy? Vẫn biết là
chủ làm được trở trông gì nữa. Những đồ đã bỏ
đi, muốn đem thì lợi dụng thì cũng gì làm? Bớt
vậy cho nên đã bác Trương muốn dùng tôi cấy
mẫu vườn, thì xin vàng! Nhà bác Lý muốn nhờ
tôi vẽ cái cối tre, cũng xin vàng! Nhà bác
Triệu muốn mượn tôi đường một buổi trước cửa
hàng để khoác lên tung tôi tờ quảng cáo nổi tiếng:

17

tỉ nào, vậy ngay từ thiên thứ hai giờ đi, là bác cho nó vào ngay khung «Tân van Nghệ» của tờ báo.

Rồi cứ như vậy, từng thiên, từng thiên, kéo ra, và tự nhiên phải đề khởi vấn đề Á-Q làm cách mạng. Theo ý tôi thời nếu như nước Trung-quốc không cách-mạng thì Á-Q cũng chẳng bao giờ làm cách mạng; nhưng nếu như Trung-quốc đã làm cách mạng, thì thế nào Á-Q cũng phải làm. Số mạng chủ Á-Q của tôi, nhất định là phải thế; và nghĩ lại cũng chẳng có thể vì thế mà chọn-cách Á-Q thành ra không nhất trí. Năm thứ nhất niên hiệu dân-quốc qua đã lâu rồi, không còn dấu vết gì nữa. Nhưng sau này, nếu còn cách mạng thì chắc rằng: vẫn còn những tay «cách mạng» giống in Á-Q. Tôi rất mong mỗi rằng; như lời người ta đã nói câu chuyện tôi ghi chép vào trong tập sách đó chỉ là một câu «chuyện đời xưa». Nhưng tôi lại vẫn e rằng: «những điều trông thấy» đó không phải là kiếp trước, mà chính là kiếp sau của Ilieen-đại! Hoặc giả nó còn là những sự thực của Trung-quốc hai ba mươi năm sau này, cũng chưa biết đâu! Một điều chắc là đầu Á-Q có đem khước đũa mà gióc ngược cái đuôi sam của va lên nữa, thì tiện đồ cuộc cách-mệnh quốc-dân-đảng, tưởng cũng không có thể vì thế mà dợ duốc! Mười lăm năm sau, bác Trương-Hồng (1) «Bước chọn» vào nghề xuân bặt biệt; đầu sẽ cũng không thành một tay Shevrev (2) Tầu!

Á-Q chính truyện ra đời đã ngót hai tháng. Tôi cố ý kết-thức câu chuyện cho xong đi. Ngày pay tôi cũng không nhớ rõ lắm nữa; Nhưng hình như Phục-viên không tạo thành sự kết thúc vội vã ấy. Cũng có lẽ tôi sợ Phục-viên phản đối cho nên tôi muốn dấu kín ít lúc câu chuyện «Đại-Đoàn-viên» ở trong lòng. Mặc dầu, chính vì thế mà Á-Q đã dần dần đi đến con đường chết. Lúc viết đến thiên cuối cùng, nói thiệt nếu Phục-viên có ở bên mình tôi, thì có lẽ bác ta cũng sẽ can thiệp và yêu cầu cho Á-Q sống thêm vài tuần lễ nữa chẳng... Nhưng «đập đầu máy mẩn lạ thường» vừa lúc Tôn có việc phải về quê «Bếp mới» của tòa soạn là bác Hà tác-Lâm lên làm thay công việc Tôn. Đối với Á-Q, Hà lâu nay không yêu ghét gì. Tôi mới dứt ngay thiên «Đại-Đoàn-viên» ra. Bác ta đăng ngay

(1) Trương-Hồng: Họ cao; tên Trương-Hồng tác giả mấy bộ-sách: Người mùa xuân. → sinh-hoạt thực-tế. → Những nhà tiên phong của thời-thời-đại,... v, v.

(2) Nguyên văn: Tuy-huệ được phụ tên một người thợ và chọn-vật chính của một bộ tiêu thuyết nga (tác-giả M. Ariz-ybashev) mà Lỗ Tấn đã dịch ra. Đại ý câu văn trên này nói: thời thời đối với người cổ nhiều ảnh hưởng nhất-dịnh. Một người bây giờ ngờ ngẩn như Á-Q mà ngày sau có tình thần khác hẳn cũng nên, và một nhà văn-sĩ như Trương-Hồng mai kia cũng có thể làm một người thợ hoạt động, cũng chưa biết chừng.

lên. Vậy lúc Phục-viên giờ về, thì Á-Q đã bị-bắn chết ngót một tháng trời rồi. Thế rồi Phục-viên đầu có khế thúc bài đến đầu đầu có cười hi hi khêu đường nào, cũng không có thể cứ «Xing xang a! Á-Q chính-truyện!» nữa! Thế à từ nay mình cũng đã kết-lúc xong được một câu chuyện, đề mà làm việc khác. Chẳng biết hồi ấy tôi định làm việc gì. Có lẽ chẳng qua cũng chỉ một công việc na ná như vậy mà thôi.

Sự thực thì lần tường «Đại-Đoàn-viên» cũng không phải là một câu kết mà tôi đã «tùy liên hạ» cho Á-Q. Còn như lúc đầu mới viết chuyện tôi có nghĩ đến kết-cục ấy hay không thì cũng thiệt là khó thể nói cho rõ ràng. Mơ màng nhớ lại: có lẽ tôi không hề nghĩ đến sự đó-cũng nên. Nhưng biết thế nào? Ai là người có thể đoán được cuộc «Đại-Đoàn-viên» của kẻ khác ngay từ lúc đầu? Nói gì đến Á-Q? Ngay đến lần tường «Đại-Đoàn-viên» của tôi đây, tự tôi cũng chẳng biết nữa là! Rồi đây chung quy tôi vẫn là một nhà học-giả ư? Một nhà giáo ư? Một nhà «học-phiệt» hay là nhà «tri - thức-côn-đồ» ư? Làm cụ lớn ư? Hay là làm một cụ lý? Hay là một tay thế lực trong tư tưởng? Hay là một nhà học-giả tiên phong? Hay lại chỉ là một tay lão luyện trọng thể cổ như tỉnh? Hay là một nhà nghệ-thuật? Hay là một tay chiến-sĩ? Hay chung quy cũng chỉ là một tay mặt dày mày dạn như là «Á-lạp-tạp-phu» (1) mà thôi ư? ư? ư? ư? ư?

Lẽ cố nhiên là Á-Q còn có thể nhiều cách kết cục khác, chẳng qua tôi không biết kết thúc bằng cách nào khác nữa mà thôi.

Trước kia, tôi vẫn nghĩ rằng: tập sách có nhiều chỗ là ra «có khi quá». Nhưng gần đây tôi lại không nghĩ thế nữa. Hiện tình nước Trung quốc nhà mình, nếu như đem mà tả chân ra thì từ người ngoại quốc, cho đến chính người nước mình nhào vào cũng phải cho là grotesk (2) Thường có lúc tôi đã tưởng tượng ra một việc rất quái gở, và tự nghĩ rằng: quái gở đến thế là cùng. Thế mà thỉnh thoảng chợt thấy những sự thực lại quái-gở bằng mấy sự mình đã tưởng tượng nữa! Thôi ra trước lúc sự-thực đó phát sinh, trí-thức thô-thiêm của mình không hề tưởng tượng, là có thể có những sự trạng-kỳ quái đến thế.

Cách đây chừng độ non một tháng, ở đây có bản hai tên cướp. Hai chú lính ăn bận đồ ngắn tay cầm súng bắn mỗi chú là 7 phát vào hai tên phạm. Chẳng biết là bắn mà không chết hay là chết rồi nhưng vẫn bắn, nên mới bắn nhiều như vậy. Đấy đấy tôi cũng chạnh lòng thương xót và nói với một học trò

(1) Phát-chánh là tên dịch theo lối phù-âm của một nhà văn trích ở trong một tác-phẩm của văn-học Nga gần đây?

(2) Một ảnh-ảnh trong nguyên bản.

thành-miền của tôi rằng: xưa kia lúc dân-quốc vừa thành lập, vừa đứng sừng bốn người là đầu tiên, thì sự ấy cũng là sự thường. Nhưng ngày nay, dân quốc thành-lập đã ngót mười năm rồi, nghề bán đáng lẽ tiến bộ lên, một tí mới phải: hà tất làm cho kẻ chết phải chịu đau đớn đến thế! Ở Bắc-kinh thì không thế: lúc kẻ tử tù còn chưa đi tới pháp trường người đội hành-hình đã cho một phát đạn vào ngay hậu-mão. Tinh mạng đã liều kết, mà người tử tù vẫn còn chưa biết kia! Vậy nên Bắc-kinh vẫn là chỗ đô-thành « Nhân-đức hơn hết mọi thành-phố khác » (hủ-hiện chi-khu). Đến cả sự xử tử ở đây so sánh với các tỉnh khác vẫn còn tử tế hơn nhiều.

Nhưng, mới đây, tôi vừa đọc tờ « thế giới nhật báo » ở Bắc-kinh, ra ngày 23 tháng novembre, thì tôi đã thấy rằng lời phán-đoạn của tôi đã tuyên bố với học-sinh trên đây cũng không đúng. Trên ấn bản thứ sáu tờ báo ấy có câu thời sự đề là « Đồ-tử-Thuyền đã bị xử tử »; tất cả có năm tiết. Tôi sẽ tóm tắt lại như sau này:

Đồ-tử-Thuyền bị chém, đồng đảng với nó bị bắn — Lúc đầu, bộ Tư-lệnh cảnh binh, theo lời yêu cầu của quân-lính, định đem bọn tội-nhân chém hết rồi bêu đầu. Vậy nên khi tới Đồ chưa tới pháp-trường thì người ta đã sắp sẵn một bó đại-đao. Con dao hình dài, cán bằng gỗ. Khớp giữa có một lưỡi sắc-mê dưới có một cái lỗ. Xuyên qua cái lỗ ấy, có một cái chốt đẩy lên, đẩy xuống được. Khi xe bọn Đồ-tử-Thuyền tất cả bốn người đã vào đến trường chém, thì một bọn lính áp giải đi xuống xe. Bọn lính bảo chúng đứng quay mặt về hướng bắc, để cho chúng nhìn thấy bấy nhiêu đồ hành-hình. Đồ không chịu quỳ. Một ông đội tuần-tráp hỏi Đồ có cần người giữ tay cho chặt hay không? Đồ cười, không giả lời. Thế là Đồ bước tới trước con dao, ghé cổ vào lưỡi dao, ngửa mặt lên trời chịu chết; chú-lính hành-hình sẽ kể. Lưỡi dao tới. Đến lúc Đồ đã gối đầu vào chỗ vừa phải, thì chú-lính nhắm mắt chặt xuống một nhát thật mạnh. Tự thì Đồ-tử-Thuyền đã đầu một đường, thân một nẻo. Bọn đồng đảng của ya, là Tống-chấn-sơn cùng hai người khác còn quỳ bên cạnh trong lúc ấy, liếc mắt nhìn ngang qua: lên Triệu-Chấn run cầm cập. Sau đó, thầy đội cầm khẩu súng lục, đứng sau lưng, bắn ngay một phát Tống-chấn Sơn chết trước. Rồi đến Lý-hữ-Tam, và Triệu-Chấn, mỗi người một phát... Hai người con ông Trình - bộ-Tử (hai vợ chồng Tự là người đã bị chung giết chết) đứng xem ở trường chém từ sáng đến giờ, đều khóc rúc rúc. Sau khi chúng đã bị chém, hai cậu Tự-trung-Tri và Tự-tung-Tín, — vừa bước chân ra về, vừa kêu to lên rằng: « Cha, mẹ ơi! Thù cha mẹ thế là đã giả rồi! Chúng con biết làm sao nữa » Bấy nhiêu tiếng kêu réo làm cho người nghe đều khó chịu. Sau lại, người nhà dìu hai cậu ra về.

Câu chuyện tóm tắt lại là thế. Bây giờ, nếu như có một nhà văn thiên tài đã thiết lập cảnh thấy sự kích thích của tâm hồn thời đại ngày nay, đem câu chuyện xử tử hôm 22 Novembre vừa rồi, chép thành một tập tiểu thuyết, để mà mô tả cho rõ sự-tình, thì nhiều nhà độc-giả có lẽ vẫn ngỡ rằng; họ đã đọc một câu chuyện đầu thời buổi Bao-công, thế kỷ thứ XI, cách chúng ta ngày nay đến chín trăm năm!...

Biết viết thế nào cho thiết hay?

Còn như các bản-dịch Á-Q chính truyện, thì tôi mới thấy được hai bản. Bản dịch ra tiếng Pháp đăng ở số Europe kỳ tháng Aout mới được một phần ba, mà lại còn cả một mất nhiều chỗ. Bản anh văn hình như dịch đúng hơn. Nhưng tôi không hiểu tiếng anh rõ nên không có thể bình phẩm. Tuy vậy tình cờ tôi nhận được mấy chỗ cần đính-chính. Một, là câu « tam - bách đại-tiên cửa nhĩ quải » (1) nên hiểu là thứ tiền to, chín mươi hai đồng ăn một quan; hai là chữ « tsu ju đăng » (2) nên dịch âm thi hơn; chữ là chữ « tự do đảng » người nhà quê không hiểu là gì nên mới hiểu lầm ra là thị-da đảng « đảng ép đầu hạt thị ».

Trích ở tờ báo « Văn-học Chu-báo »

(1) Á-Q chính truyện VI. —

(2) Á-Q chính truyện VIII. —

MUỐN BIẾT:

NHỚ PHONG, SĨ KHÍ TA XƯA
HÃY ĐỌC

NHÀ NHỎ

của CHƯ THIÊN — Giá 4\$50

MỘT THẾ HỆ, MỘT NHÂN VẬT
— VÀ CẢ MỘT LINH HỒN —

15 OCTOBRE 1943 CÓ BÁN KHẮP NƠI

hào-quang

== XUẤT-BẢN ==

62, BONARD — SAIGON

GIÁM ĐỐC: ĐỖ NGỌC QUANG

TỔNG PHÁT HÀNH HANOI:

HÀN THUYỀN — 71, Tiên-Tsin

NƯỚC Ý SAU TRẬN CHIẾN-TRANH

(Tiếp theo trang 15)

Vào khoảng 1928, ứng Giáo Hoàng lên tiếng phản đối xi.đảng phát xít có ý làm cho ảnh hưởng phát xít thay hẳn ảnh hưởng gia tô giáo. Mussolini lập tức giải tán các hội thanh niên công giáo và xuống lệnh thuyết dạy cho Chính phủ việc giáo dục quốc dân. Nhưng từ năm 1926 Tòa Thánh và Mussolini vẫn điếu dính kén với nhau và đến năm 1929 thì Mussolini và giáo chủ Gasparri ký hợp ước Lateran.

Hợp ước gồm ba phần: phần chính trị định rằng G.đo. hoá sẽ cai trị một mảnh đất cấu quanh điện Vatican và nhà thờ Lateran; nước Ý sẽ bảo đảm cho đất thánh không được Giáo hoàng phải hứa không được can dự vào việc các nước. Những người nhập tịch hức của đức Giáo Hoàng cũng có hạn định mà thôi còn các nhân viên giáo sĩ đều phải theo quốc tịch Ý. Phần thứ hai định về sự giao thiệp của giáo hoàng với quốc gia Ý, đạo gia tô được coi là quốc đạo.

Phần thứ ba định rằng Ý sẽ biếu Giáo hoàng 750 triệu liras và 1000 triệu trái khoản Ý 67.

Hợp ước đó là một sự thắng trận về ngoại giao của Ý nhưng việc giao thiệp của hai bên vẫn còn gượng. Bên nào cũng tranh phần hơn. Giáo Hoàng thì tự phụ rằng nhờ có hợp ước mà nước Ý thành một nước Kitô. Mussolini trái lại quả quyết rằng phải để nước Ý phát xít lên trên đạo Gia tô.

Mussolini diễn thuyết trước Thượng nghị viện, dùng những lời chững đờng nhể nhặn gì để nói tới tình kinh và tuyên bố rằng tòa thánh là một chỉ phái Do thái theo đạo Gia tô đến ngụ ở kinh thành La Mã. Đức Giáo hoàng nổi với học trò trường Mondragone thì quả quyết rằng chức vụ giáo dục phải của Quốc gia mà chính là của đạo Gia đình với ngoại cam những sách nào tuyên truyền bài tư tưởng đ. phát xít lên trên đạo gia tô.

Tuy vậy Đức Giáo hoàng phải đồng nhận ông de Vecchi ở đây phát xít làm đại sứ Ý ở điện Vatican tuy ông này nổi tiếng và tuyên truyền bạo thuyết. Giáo hoàng cho lập nhiều hội Gia tô giáo trong dân chúng Chính phủ Ý phản đối và ra lệnh giải tán các hội đó. Ngày 5 tháng chạp 1929, Giáo hoàng nhất định làm khổ để không nhận cho Mussolini đi với vua Ý đến điện Vatican rồi đến ngày 20 tháng chạp ngài ra khỏi điện mà không báo trước cho chính phủ đ.

Năm 1931, b. o. n. i. c. u. hội thanh niên công giáo đều bị giải tán. G.đ. hội ch. h. a. traph Á-Ý, Giáo Hoàng lên tiếng phản đối việc dạy cho con trẻ

thích đi xâm lấn nước ngoài. Vào khoảng tháng giêng, ngài cho tuyên bố một tờ dụ về việc giáo dục theo phương châm gia tô giáo.

Cho đến năm 1933, chính phủ với Tòa Thánh vẫn không bằng lòng nhau. Câu nói sau này của Mussolini đủ tỏ hai bên gắng đến cực nào: «Tôi giữ lấy con người từ lúc mới đẻ chỉ kỷ đến chết mới buông thả; lúc đó thì để mặc Giáo hoàng săn sóc lấy». Chính sách ngoại giao của đảng phát xít thiên về sức mạnh. Có lẽ vì thế mà chính phủ Ý được nhiều thắng lợi trong những năm liền ngay sau trận đại chiến 1914-18.

Nước Ý với xứ Albania

Sau trận Fiume và Corfou, nước Ý có ý muốn xâm lấn xứ Albania, liền cạnh nách. Nhân trong nước có nội loạn, Ý ký với Albania hiệp ước Tisana ngày 27 tháng một năm 1926 và đến 22 tháng một 1927 lại ký một hiệp ước nữa: hai tờ hiệp ước đó để cho Ý kiểm soát việc cai trị xứ Albania. Năm 1928, nhân Giám quốc Albania là Ahmed Zogou lên ngôi vua, vay tiền của Ý để tiêu pha, Ý nắm hết mối hành chính trong nước. Quốc gia ngân hàng xứ Albania do chính phủ Ý trông nom. Quân đội do y. o. quan Ý, cai quản. Bộ tham mưu Ý xây pháo đài ở biên thủy, Yougoslavie và Hy Lạp. Một hội tự bản Ý xây cảng Durazzo. Năm 1932, các nước khác ở bán đảo Balkans cố kéo xứ Albania ra ngoài thế lực Ý nhưng không nổi. Năm 1936, lại nhiều hợp ước nữa về tài chính làm xứ Albania thành một nước do Ý bảo hộ.

Ý với Yougoslavie

Chính sách ngoại giao đó lắm, méch lòng Yougoslavie và sự giao thiệp đôi bên đều gượng. Phải đợi mãi đến 1934 và 1935 tình hình mới khá hơn vì chính phủ Ý luyện bố sẽ không phạm đến đất đai xứ Yougoslavie. Tuy năm 1934, Ý dùng súng cho bọn ám sát vua Alexandre ở Marseille nhưng hợp ước Ý-Yougoslavie vẫn ký ngày 25 tháng ba 1937. Hai bên hứa sẽ tôn trọng biên giới của nhau và không giúp một nước nào phạm đến bên giới đó, hứa sẽ mở mang việc giao thiệp về kinh tế. Liên hội các nước nhỏ ở xứ Balkans cũng đồng ý theo chính sách thân thiện với Ý.

Ý với các nước ở trung-bộ châu-Âu

Ý muốn giữ thế lực của mình ở trung bộ châu Âu, nhất là ở Áo và Hung.

NƯỚC Ý SAU TRẬN CHIẾN-TRANH

Năm 1934 và 1936, với Ý hợp hai nước trên thành một liên minh tay ba: các sứ thần đến thăm viếng nhau luôn đề điều đình các vấn đề có can hệ đến những xứ ở bờ sông Danube. Ngày 25 tháng bảy 1934 khi thủ tướng Áo là Dollfuss bị tội Nazis ám sát giữa lúc đương sửa soạn sang Ý thì Mussolini cho tụ tập quân đội ở biên thùy phía Brenner có ý ngăn không cho Hitler chiếm Áo. Vì nếu để Áo Đức hợp nhất thì có hại cho thế lực Ý ở trung bộ châu Âu. Thái độ đó sau này có thay đổi. Vào tháng 5 năm 1937, vua Ý sang thăm Budapest, kinh đô Hung. Thủ tướng Áo và Hung cũng nhiều lần sang Ý.

Ý với liệt-cường

Ngay sau trận 1914-18, Ý vẫn dự vào các hội nghị của liệt-cường. Ở hội nghị hải quân Washington năm 1922, Ý được sắp gần ngang hàng với Pháp. Năm 1923 Ý có ký hiệp ước Locarno, giữ hòa bình cho thế giới, Ý ký hiệp ước với Anh, Mỹ về các món nợ chiến tranh. Nhưng sự giao thiệp Pháp-Ý cố ý lạnh nhạt vì người Pháp không ưa chủ nghĩa phát xít cũng có, vì chính phủ Pháp dùng những kẻ phản đối phát xít cũng có.

Tuy chế độ hai húc khác hẳn nhau, Ý cũng thừa nhận Nga từ 1924 và ký nhiều hiệp ước kinh tế với nước đó.

Từ sau khi Mussolini chấn chỉnh lại được nền kinh tế và trật tự trong nước, Ý lại có viễn vọng về ngoại giao, tự nhận mình là một nước vô sản, trái lại với Anh, Pháp nó nê, vừa có của cải nhiều lại làm thuộc địa, tổ ý thân thiện với Đức (lúc này Hitler đã lên cầm quyền). Dân Ý năm 1921 có 38 triệu, nay đã tăng vọt lên gần 44 triệu, không kể 9 triệu ở ngoại quốc.

Năm 1933, Mussolini đứng lên chiếu tập hội nghị tay tư (Anh, Pháp, Đức, Ý) để giữ hòa bình cho châu Âu nhưng việc không thành vì Đức ra khỏi hội Quốc Liên.

Năm 1935, Laval thủ tướng Pháp sang Ý hội thương với Mussolini và ngày 7 tháng giêng ký nhiều hiệp ước định rõ rằng hai bên cùng chung chính kiến về nền trật tự châu Âu, cùng cho việc Đức tăng binh bị là trái pháp luật, và đồng lòng hồi ý kiến lẫn nhau nếu Áo bị xâm chiếm. Hợp ước còn nói tới pháp vị của dân Ý ở Tunisie, đến việc Pháp nhượng cho Ý 114.000 cây số vuông ở bờ biển Somalie, 20% cổ phần đường xe lửa Djibouti — Adis — Abbeba và đảo Domeirah ở trước mặt Djibouti. Nhưng hợp ước đó không được nghị viện Pháp công nhận nên không thi hành được.

Ngày 11 tháng tư năm 1935, các thủ tướng và tổng trưởng ngoại giao ba nước Anh, Pháp Ý họp ở Siresa (Ý) để liên kết tìm cách duy trì hòa bình cho Âu châu, phản kháng việc Đức động binh ở miền Rhénanie, và việc Đức Áo hợp nhất. Nhưng hội nghị chưa thành được chuyện gì thì đã xảy ra việc Ý đánh Ethiopia.

Từ trước các đũa Ý ở biên thùy thuộc địa Erythre của Ý ở Phi châu thường xảy ra nhiều vụ đánh phá do dân Á gây nên. Ngày 15 tháng một năm 1934, lãnh sự Ý ở Gondar bị dân Á đánh chính phủ Á phải bồi thường và xin lỗi. Ngày 5 tháng chạp 1934 ở Ual Ual, chỗ giáp giới biên thùy miền Somalie của Ý, miền Somalie của Anh và xứ Ethiopia xảy ra một vụ đánh nhau lớn mà không có trách nhiệm về ai: Ý bắt Á phải bồi thường và xin lỗi, nhưng vua Á nhất định không nghe và đưa việc ra hội Quốc Liên (Á vào hội Quốc Liên từ năm 1922 nhờ Ý đỡ đầu cho, tuy Anh hết sức phản kháng). Hội Quốc Liên họp và Ý-Á ký một bản hợp ước đặt ra một miền trung lập ở khoảng Ual Ual. Nhưng hình như ngay từ bấy giờ, Ý đã có ý lợi dụng tình thế để chiếm Á. Chính phủ cho mang nhiều quân đội sang Phi châu. Á phản kháng xin hội Quốc Liên mở cuộc điều tra, Hội Quốc Liên trừ trừ thành ra cuối tháng bảy, đã có tới 10 vạn lính Ý tụ tập ở miền Erythre và 5 vạn ở Somalie, quân nhu, khí giới vừa nhiều, vừa tốt tân. Nước Anh có ý lo ngại vì đời sống của nước Ai Cập có can hệ mật thiết tới sông Nil mà sông Nil thì chảy ở hồ Isana bên Á mà ra. Và con đường sang Ấn độ có thể bị nguy nếu lực lượng của Ý ở Á thêm mạnh. Tuy vậy Anh vẫn để cho Ý tải quân qua kênh Suez.

Nhưng sự giao thiệp Anh Ý cũng ngày càng găng. Ngày 15 tháng tám năm 1935, các ông Laval, Eden và Aloisi hội họp ở Ba lê tìm cách điều đình nhưng cuộc hội nghị thất bại vì Anh tăng lực lượng Hải quân ở Địa trung Hải. Dự luận Anh muốn chính phủ lợi dụng hội Quốc Liên để chống với Ý. Ở bên Ý, trái lại, các báo hô hào chiến tranh kịch liệt: con giai, con rề thủ tướng Ý đều đăng vào không quân; Starace, thư ký đảng phát xít cũng sang Phi Châu coi một đạo quân. Nhiều lính tình nguyện ra mặt trận. Cuối tháng 8, vua Victor-Emmanuel và Mussolini duyệt binh ở miền Haut-Adige. Nội các họp ở Bolzano để bàn định những phương sách chống với các sự trừng phạt về kinh-tế của các nước.

Ngày 6 tháng 9, hội Quốc Liên cử một ban năm nước trong có Pháp Anh. Ban đó đưa ra một bản

hội đồng nước Ý gạt bỏ. Ban năm nước thành ban 13 nước đề xuất soạn việc trừng phạt. Ngày 2 tháng 10 năm 1935, một giờ chiều, toàn dân Ý được lệnh tổng động viên. Đến 6 giờ rưỡi, thủ tướng Ý đọc diễn văn và 5 giờ sáng ngày 3 thì quân Ý tràn vào Á.

Ngày mùng 6, Ý chiếm Adoua rồi Aksgoum. Trong khi đó hội Quốc-Liên cử một ban gồm 6 nước quyết định trừng phạt Ý về mặt kinh-tế (trong số 44 dân hội có 50 hội viện đồng ý).

Nhưng quân Ý vẫn tiến. Makali thất thủ ngày 8 tháng một; ngày 28 tháng một thống chế Badoglio thâu tướng de Bono cầm quân. Quân đội Ý tiến chậm lại vì phải đáp đường để vận lương và vì quân Á phản công rất dữ. Ý dùng tới 5 vạn quân và 2 vạn rưỡi xe tải. Có đội quân phải dùng tên bay vận lương cho. Núi và khát là hai trở ngại lớn nhất Gondar chiếm được rất khó khăn. Nhưng ngày 28 tháng ba 1936, vua Á thân cầm 3 nghìn quân phản công ở Quoram và bị thua. Từ đó quân đội Á tụt về. Quoram bị chiếm ngày mùng 6 tháng 4. Desié ngày 15. Ngày 4 tháng 5 vua Á bỏ kinh đô trốn, Addis-Abeba bị đốt phá cướp bóc. quân đội Ý phải đi suốt ngày đêm để kịp cứu các kiều dân da trắng ở trong thành. Ngày mùng 5 thì tới kịp họp với đạo quân Graziani ở phía Nam vừa tới.

Ngày mùng 5 tháng 5, vào hồi 5 giờ rưỡi chiều, còi và chuông nhà thờ ở Ý gọi dân chúng đến họp ở các công trường. Ở La-Mã đến 7 giờ rưỡi tối thì hội họp xong. Mussolini tuyên bố thống chế Badoglio đã vào Addis-Abeba và nước Á từ nay thuộc Ý. Trong năm hôm liền, nước Ý ăn mừng. Ngày 9 tháng 5, đại hội nghị phát xít rồi nội các lần lượt họp. Mussolini tuyên bố với dân chúng việc sáp nhập Á vào Ý, việc lập ra đế-quốc Ý. Thống chế Badoglio làm pho-vương Á và tướng Graziani thăng thống-chế.

Ngày 11 tháng 5, đại-biên Ý ở Quốc-Liên là Ham tước Aloisi không chịu họp với đại-biên vua Á và ra khỏi phòng. Ngày 12, đoàn đại-biên Ý bị gọi về. Đến (3 tháng 5 thì chỉ thị Anh đứng lên xử phạt cho Ý, hội-ngị Genève ngày mùng 4 tháng 7 y chuẩn 44 phiếu thuận chỉ có một phiếu phản đối của Á.

Muốn cho các nước công nhận việc mình xâm Á, chính phủ Ý cho các đội lính đi khắp nước Á để tỏ ra rằng không còn một mảnh đất nào là của vua Haile Selassie.

Khi thống-chế Badoglio về nước, dân Ý tiếp đón rất long trọng. Thống-chế từ chức pho-vương được phong tước quận công Addis-Abeba. Chính Mussolini mới lên rang cung thượng-bà bộ trong bảy bộ của mình: ngoại-giao cho con rể, Bộ-tướng Ciano, thi-độc-địa cho Lessona, nghiệp-đoàn cho Lantini.

Đế-quốc Ý gồm có Á, miền Erythrée và miền Somalia, chia ra làm năm xứ do một viên phó-vương cai trị, giúp việc có một viên phó-toàn-quyền và một trưởng tham-mưu. Thuộc-địa được quyền bầu lên hai hội-ngị nhưng chỉ được quyền bầu tổ-y-kiến mà thôi. Các tôn-giáo được coi ngang hàng và dân Ý cấm ngặt không được giao thiệp với dân bản xứ sơ sinh và những giống lai. Chương trình khuếch trương kinh-tế trong sáu năm dự định mọi số tiền là 14 000 triệu. Đường giao-thông mở mang rất nhiều để tiêu diệt các quân Á còn sót lại. Nhưng các vụ mưu sát vẫn còn nhiều. Thống-chế Graziani thay thống chế Badoglio làm pho-vương bị thương nặng ở Addis-Abeba.

Mussolini thân sang Lybie từ 12 đến 21 tháng ba 1937. Ngày 18 thủ tướng diễn thuyết tự nhận là người bảo hộ cho Islam. Quân công Aoste thay Graziani và Mussolini thân giữ bộ thuộc-địa.

Trong khi đó thì tình thân thiện Đức-Ý càng ngày càng tăng, vì chủ nghĩa phát-xít với chủ nghĩa Hitler giống nhau cũng có, vì Đức lúc này đã bỏ hội Quốc-Liên không dự vào việc trừng phạt Ý cũng có. Thủ-tướng Hitler sang Venice thăm Mussolini vào năm 1934. Nhiều phái bộ kinh-tế và binh bị đi lại luôn luôn, nhân đó mà trục La Mã-Bá-Linh thành lập. Tuy vậy không có hiệp ước gì rõ ràng cả. Năm 1936, khi Đức chiếm hạt Rhénanie của Pháp, Ý không chịu dự vào việc trừng phạt, không chịu dự vào cuộc họp của các nước ký hiệp ước Locarno. Ý còn bản, cả những quyết định của hội nghị thủy-quân ở Luân-bôn, thừa nhận Mãn-châu, dự vào hiệp ước hải-quân của Đức Nhật. Cuối năm 1937, Mussolini sang Đức đáp lễ Hitler, được tiếp rước rất long-trọng. Ngày 12 tháng chạp 1937 Ý bỏ hội Quốc-Liên.

Trong lúc nội-loạn ở Tây-Ban-Nha, Ý cũng phải gửi quân đội và khi giới sang giúp tướng Franco, rồi cùng Đức công nhận thuyết bất-cận-thiệp nhưng lại cùng Đức ra khỏi hội nghị kiểm-sát thủy-quân ở Hội-Trung-Hải, sau khi Đức viện chiến-tây chiến Leipzig của mình bị đánh ở ngang cảng Oran Mussolini ngang nhiên diễn thuyết tuyên bố rằng việc lấy những thành Santander và Malaga ở Tây-Ban-Nha là công của lính Ý, quả quyết sẽ bảo thủ cho đội quân Ý bị diệt ở Guadalajara.

Vì những việc đó nên sự giao-thiệp với Anh, Pháp không được hòa hảo.

Vấn-đề địa-trung-hải càng ngày càng gay go. Ý xây chiến lũy ở các đảo của mình nhất là ở Pannelleria, giữa Sicile và Tunisie. Anh cũng bắt chước. Quân đội của Ý gửi sang Tây-Ban-Nha có thể uy hiếp Gibraltar mà việc Ý chiếm Á có thể nguy cho Suez. Trong Địa-Trung-Hải có những vụ các tàu buôn các nước, nhất là của Anh bị thả thủy-dội, ném bom, bị tàu bay hay tàu ngầm công kích mà không rõ của nước nào. Quân đội Ý đóng ở Lybie (Xem tiếp trang 30)

MỘT CHƯƠNG TRÌNH DẠY TRONG các lớp học bình dân

LỚP CAO-ĐẲNG NGƯỜI LỚN

VŨ BÌNH HÒE

A. — Quan-niệm và nguyên tắc.

CHƯƠNG trình lớp «cao đẳng» cho trẻ con dân bình dân (1), chỉ tập cho chúng một vài thói quen luận-lý và dạy đọc báo, làm phép tính, viết mấy lời thư thông thường, cái chương trình ấy thực là sơ sài lắm. Nền học bình dân còn lại cả một phần to lớn vô cùng, là phần phổ thông những kiến-thức cần yếu cho đời sống mới: phép vệ-sinh và nuôi con, cách giồng gặt (hoặc làm thợ đi buôn) theo khoa-học, quan niệm mới về quốc-gia và về quyền lợi, bôn-phận công-dân v. v. ...

Tôi không nhắc lại ở đây sự quan-trọng của nền học bình-dân, áp dụng cho hàng thành-nhân, nhất là ở xứ ta, mà tôi đã nói đến kỹ lưỡng trong những số 36 và 37 ra ngày 1 và 16 Mai 1943. Một người sống ở thời-đại này cần phải có những kiến-thức tối thiểu để gìn giữ và làm mạnh được đời sống cho mình và cho Đoàn-thể.

Lớp «cao-đẳng người lớn» phần thực hai trong chương trình học bình-dân mà tôi phác họa trong bài này theo lời ủy thác của Ban Giáo-Khoa hội T. B. H. Q. N., là theo đuổi mục đích trên vậy.

Lớp này mới là lớp học bình-dân chính thức và sẽ giữ nguyên vẹn cái công dụng của nó ngay cả khi nền sơ-học đã được đặt làm nền học bắt buộc phổ cập cho cả dân chúng.

Ta sẽ quan-niệm «lớp cao đẳng người lớn» như thế nào?

Ở nhiều nước, người ta tổ-chức những «trường Đại-học bình-dân» do chính-phủ trợ cấp và kiểm soát, lớp học thường mở vào buổi tối và việc giảng dạy được các giáo-sư và sinh-viên đại-học đảm nhiệm.

Việc lập lớp «cao-đẳng người lớn» ở xứ ta là một việc khó khăn vô cùng. Nó cần đến những tài năng lỗi lạc và những học cụ tối thiểu như

máy chiếu ảnh, kính hiển-vi, vườn thí-nghiệm v. v. ... (thế mà những phương tiện về tài-chính của ta lại rất eo hẹp. Tuy nhiên trở lực đó ta có thể cố ý quên đi khi ta thu nhỏ phạm vi hoạt động lại trong thời gian và không gian. Nghĩa là, nếu chỉ nghĩ đến lớp học ở một vài nơi trong một vài tháng và tùy theo tài-lực của nhóm người tổ-chức, thì người ta cũng có thể tìm được những người sẵn lòng hì-sinh liền tại và công lao. Nhưng, cả ở trong phạm vi nhỏ hẹp ấy, công việc cũng vẫn khó khăn vô cùng. Vì những trở lực về tinh-thần

Trước hết việc học ở đâu thì cũng chỉ được coi là một «xa-xỉ phẩm», đối với phái bình-dân là hạng người ít nhu-cần về tinh thần mà làm tri càng thêm xác còn phải bận rộn và nhọc mệt vì công việc sinh-nhai. Cho nên ở mọi nước tiền tiến, nền sơ-học phải đạt thành nền học bắt buộc, và ở nhiều nước, cả nền học bổ-túc sau nền sơ-học cũng thế: ai không theo học đều phải phạt liền. Ở những nước mà nền học bổ-túc không bắt buộc thì số người theo học cũng rút đi nhiều song vẫn có một số người trung thành với sự học, vì đã được qua nền sơ-học (nền học bắt buộc) họ đã hiểu ích-lợi và giá trị của học-vấn. Ở xứ ta, không có một nền học nào bắt buộc, thái-độ lãnh-đạm đối với sự học của phái bình-dân lên đến tột bậc. Họ chỉ thấy sự học có lợi vì nó có thể đưa đến địa-vị ông phần, ông ký (1), kiếm tiền trăm bạc chục. Cho nên, biết không thể học đến bậc ấy được thì họ không còn thấy học-vấn có một giá trị gì. Vậy làm thế nào cho họ hiểu rằng học-vấn cần thiết cho đời sống hằng ngày của cá-nhân và Đoàn-thể, làm thế nào cho họ ham học khi từ thừa «cha sinh mẹ đẻ» họ không có đọc một trang sách nào, không có nghe một bài giảng nào, họ không có một chữ gì trong bụng, họ không có một ý niệm gì về sự học.

(1) Mà biết bao nhiêu người trong phái thượng lưu cũng chỉ nghĩ như thế thôi!

(1) Xem T. N. số 44.

Thái độ dửng dưng đối với sự học của đám dân chúng Việt-Nam còn có một nguyên-nhân nữa, Thái độ ấy sẽ không làm ta sửng sốt khi ta nghĩ rằng họ nghèo khổ quá (1), Có ai dục họ đến nghe một buổi giảng về cách dùng phân bón để thêm hoa lợi và đỡ nghèo? Nhưng bụng đói quá, họ óc ọn bận soay cách kiếm gạo ngày mai, họ còn thiết gì đi đâu hay có miễn cưỡng đi thì còn bụng nào thiết nghe nữa.

Cái trở lực thứ hai về tinh-thần trong việc mở lớp học cho phái bình-dân nhất là dân-quê, đám bình-dân đông nhất, là lòng hoài nghi của họ đối với tất cả những kiến-thức mới về nhân-sinh và mỗi ngò-vực của họ đối với bọn trí-thức tân-học. Những tư tưởng « tân thời » (!) về vệ sinh, vi-trùng, mưa gió, sấm sét... vẫn thường gặp sự thần-nhiên hoặc mỉa mai của bọn người từ bao nhiêu thế-kỷ đã quen uống nước lã, mớm cơm cho hài-nhi, lễ vái-gốc đa hay con chó đá ở bên đường! Cái thái độ phản-động, lảng lảng hoặc lộ ra mặt với tất cả cái gì mới, lại càng tang vi sự ngò-vực đối với bọn trí-thức. Nguyên nhân thứ nhất của sự ngò-vực ấy là thời thế. Đám bình-dân sống trong khung cảnh lễ lối, thói tục cổ truyền, bọn trí-thức hấp thụ văn-minh mới có những giảng diệu cử chỉ hành động, tư tưởng tinh cảm, khác hẳn họ. Hai tinh-thần cách biệt nhau, không hiểu nhau. Sự ngò-vực ghen ghét là thái độ tự nhiên của kẻ « kém về » hay tự cho là thế. Rồi về lãnh đạm hay kiêu hãnh, những vụng về hay lầm lỗi của bọn trí-thức đối với dân-quê, nhất là bọn trí-thức có quyền thế đã đào sâu mãi cái hố chia rẽ hai đám người ấy. Nay một nhóm tân-tiến đầu có thực tâm muốn nâng cao trình-độ kiến-thức cho dân-chúng ở miền quê nào cũng phải khôn khéo và cố gắng nhiều lắm mới gây lại được cảm-tình và lòng tin cậy của họ. Đó là không kể sự phá đám của bọn nưc ngu si nửa thông-minh, vừa ích kỷ vừa bất lương, là bọn cường hào, họ chỉ muốn dân ngu cho dễ bóc lột.

Vì những nhẽ khó khăn về mặt tinh thần: thái độ dửng dưng của đám bình-dân đối với sự học và lòng ngò-vực của họ đối với bọn trí-thức, ta phải quan-niệm lớp « cao-đẳng người lớn » như thế nào?

Ta không thể lập những lớp học chính-thức, giảng dạy những bài liên tiếp và có mạch lạc bắt người nghe phải theo học chuyên cần; những kiến-thức mà ta phổ thông không thể trình bày thành những « bài dạy », mà người có trách-

nhiệm diễn giảng cũng phải dấu diếm khôn ngoan cái bộ mặt nghiêm nghị của một giáo-sư, vì người nghe mình không tự đặt vào địa-vị học trò, không có chí ham biết, không tin ở sự học và ở người dạy và không chịu theo một kỷ-luật. Kể một lớp học mà quan-niệm như vậy thì thật là quái gở, phản-ngịch hẳn những nguyên-tắc sư-phạm, mà hiệu-lực cũng mong manh lắm. Nhưng xét đến sự thực thì quyết nhiên không thể làm hơn được.

Vậy ta chỉ có thể, và cũng chỉ nên quan-niệm lớp cao-đẳng người lớn » như NHỮNG BUỔI NÓI CHUYỆN THÂN MẬT trong đó người có trách-nhiệm diễn giảng phải tự đặt mình vào địa-vị một người kể chuyện, nghĩa là trước hết phải gây cảm-tình với người nghe, rồi trình bày bài giảng theo quan điểm đặc biệt ấy với tất cả những mảnh lời đề câu chuyện có thể « nghe lọt ».

Bài giảng phải có hai tinh-rách: Vui và có Lợi thiết thực.

1-) Vui. Đó là tinh-cách tất nhiên của một câu chuyện. Một câu chuyện thì phải thú-vị, nó không có thể khắc khổ như một bài học. Nó không bắt người nghe phải gắng sức nhiều để hiểu. Nó phải giải-trí chứ không bắt trí óc phải làm việc. Ta phải nhớ luôn luôn là thỉnh giả đây là hạng người không quen học, không thiết học, không tin ở sự học và không hiểu ý-nghĩa của sự học. Nếu câu chuyện mà khô khan, nếu cách trình bày mà phò khai, nếu những chi tiết câu chuyện khô khan, nếu lối nói lại khô khan nốt thì chắc chắn là bài giảng dù hay đến đâu cũng không thể vào lọt những khối óc đầy đặc và đã đầy những ưu tư.

2-) Lợi. Thỉnh-giả còn là hạng người mà tất cả tâm cơ và sự hoạt động đều xoay vào việc mưu sinh: một việc khó nhọc nhiều khi quá sức họ. Với trí óc ấy, trong tình-cảnh ấy, họ không thể quan-niệm được giá-trị cao xa của học-vấn, Những kiến-thức để truyền bá cho họ phải có lợi thiết thực cho họ. Và có lợi tức khắc trong đời sống hằng ngày của họ. Cần cho họ hiểu rõ bằng chứng có hiển-nhiên rằng theo điều này thì có lợi ngay trước mắt, không theo điều kia thì cái hại đến ngay trước mắt. Sau nữa, chỉ cái lợi, cái hại nhần-tiền, chứng tỏ bằng nhiều việc có thực đã xảy ra xung-quanh họ, mới có sức mạnh đánh đổ những dị đoan và tập-tục cũ hủ.

(1) Xem bài « Cảnh nghèo ở thôn quê » của Nguên Xuân Yêm trong số trước.

B. — Tổ chức

Công việc cực kỳ khó khăn, thứ nhất vì những trở lực ở trên, sau vì những phương-tiện nhỏ mọn mà ta có trong tay.

Ta chỉ có thể nói là ta sẽ làm một thí nghiệm, và trong ý quyết định ấy ta sẽ cố hết sức, trong phạm vi tài lực của mình, làm cho sự thí nghiệm có kết quả.

Trước hết phải định giới hạn của công việc, Không nên có cao vọng xây dựng một tổ chức đại cục. Hễ nên nghĩ tổ chức một lớp (cao-đẳng người lớn) ở một nơi nào và trong một khóa học chừng độ vài tháng. Rồi nếu cuộc thí nghiệm ấy có kết quả tốt ta sẽ tìm cách làm lan dần ở nơi khác và vẫn cứ từ từ, «tuần tự nhi tiến». Phải rất thận trọng trong công việc này vì công việc giáo hóa dân-trí là một công việc to tát và quan-hệ: một điều vụng về hay lầm lỗi sẽ gây sự hối quá nặng nề cho những người có trách nhiệm.

Ta nên chú ý đến đám bình-dân ở thôn quê và sẽ mở lớp học đầu tiên cho người lớn ở một làng nào đấy.

Trên kia tôi đã nói lớp «cao đẳng người lớn» ta chỉ có thể và chỉ nên quan-niệm như những buổi nói chuyện thân mật. Đây là nói về tính-cách những bài diễn giảng và phương pháp diễn giảng. Nhưng đừng về phương diện tổ chức thì ta vẫn phải coi những buổi ấy như những buổi dạy học. Tổ chức một buổi nói chuyện thì chỉ cần tới một kết quả là thỉnh giả lúc ra về tỏ vẻ bằng lòng diễn giả. Nhưng tổ chức một lớp học là thực hành một chương trình huấn luyện và nhằm một kết quả xấu xa hơn là in vào óc người theo học những kiến-thức để họ sẽ áp dụng trong sự hành động.

Vậy lớp «cao đẳng người lớn» sẽ tổ chức như thế nào?

Việc tổ chức sẽ được vững vàng nếu ta giả nhời được hai câu hỏi sau này một cách ổn thỏa: — làm thế nào cho có người đến nghe những buổi diễn giảng ấy, mà đến nghe thì thấy thích, — mà đến nghe một buổi thì muốn đến nghe cả những buổi sau?

— làm thế nào cho khi nghe xong, những kiến-thức mới được in sâu vào óc người nghe và được áp dụng trong sự hành động?

a) Làm thế nào hấp dẫn được người nghe?

Trước hết đã là một việc thí-nghiệm thì phải thí-nghiệm trong một hoàn cảnh thuận tiện. Nghĩa là phải chọn một làng mà trong đó bọn bình-dân cũng «đủ bát ăn» không đến nỗi nghèo khổ quá và có những đàn anh đứng đắn

được đàn em tin cậy và sẵn lòng xông lực để giúp vào việc học của đàn nghèo. Rồi bắt đầu bằng việc gây cảm tình và thân mật với dân làng: giúp đỡ họ một vài việc thiết thực có lợi hiển nhiên như phải thuộc kham bệnh, như ở các trại thanh-niên sinh-viên Đại-học đã thực-hành. Nếu ở một làng mà hỏi đã mở lớp dạy chữ quốc-ngữ cho trẻ con người lớn, rồi sau một khóa, phát thưởng cho những người đã chịu khó học tập, thì cái cảm tình đã sẵn có rồi và sẵn có cả một số người sẽ theo lớp cao-đẳng vì đã được nếm mùi học-vấn

Lần đầu, đề lời được người đến nghe thì là công việc cổ động và quảng cáo. Nhưng làm thế nào để họ thấy thích và sẽ theo đủ các buổi dạy thì phải nhờ ở phương pháp và tài-nghệ của giảng-viên (sẽ nói ở đoạn sau). Cũng nên thêm vào những giờ diễn giảng những cuộc vui giải-trí như dân, ca, kèn hát, vai cảnh tuồng, chèo, kịch... Khi ta nghĩ rằng ngay ở tỉnh thành mà trong những buổi diễn thuyết, muốn hấp dẫn thỉnh-giả có khi người ta cũng mang cả á-đào đến ngắm nga thì sao ở đây người ta không thể làm giảm sự khó khăn của bài học bằng những trò vui vô hại mà cũng có thể có hình-cách giáo-dục. Miễn là những trò vui ấy đừng choán nhiều thì giờ quá để làm bớt phần quan-trọng của buổi diễn giảng.

Khi chưa có một điều luật bắt buộc bọn người này phải đi học, thì còn chỉ có cách là lôi họ bằng sự vui và sự lợi: Vui là bày những trò giải-trí mà họ ham thích, Lợi là ghi tên những thỉnh-giả trung thành để san sóc giúp đỡ họ.

b) Làm thế nào để những bài dạy có hiệu quả? Làm thế nào để sau khi nghe giảng một bài về cách phòng ngừa dịch tả hay về cách chọn thóc giống, dân quê sẽ thực hành những điều khuyên bảo? Việc này thiết khó. Cần phải theo dõi sự hành động của họ. Phải có người ở luôn trong làng và có thể-lực để làm công việc kiểm sát. Nói ví dụ, một ông tiên chỉ, hay một lý-trưởng, hay một ông chánh tổng, được người làng quý mến và kính nể có chân trong ban tổ chức, mà lại chịu tốn công đi thăm dò, sét nết sự hành động của dân làng thì sau một thời kỳ, những lời khuyên bảo đã được áp dụng sẽ thành thói quen. mà những kiến-thức mới sẽ in sâu vào óc dân chúng. Cần có, ngay lóng đám bình dân một vài người trí lự sáng suốt hơn người và chịu khó nghe lời dẫn dụ. Mấy người ấy ta phải săn sóc đặc biệt phải giúp đỡ họ để họ thực

hành điều giảng dạy (chọn thóc giống chẳng hạn) cho tới kết quả. Họ sẽ làm gương cho những người xung quanh họ. Bản tính của dân quê là hoài nghi tất cả những điều mới, trái với những thói quen cổ truyền, nhưng bản tính họ cũng là rất chước rất nhanh những việc có lợi (trên) thấy trước mắt.

...

Công việc giao-hóa dân quê, vấn đề to lớn rộng rãi, hiện tại cũng có một thí nghiệm nào quan trọng, thành công thì không biết dựa vào một căn cứ nào để tổ chức cả.....

Một cuộc thí nghiệm nữa trong việc giao hóa dân quê là do Tổng-hội-sinh viên đã làm hai lần ở trai thanh-niên Tương-Mai và Khương-Thuận. Xét về phạm vi hoạt động và ảnh hưởng đối với cả quần chúng Đông dương thì việc này nhỏ bé quá, thật không đáng kể. (Một nhóm tư-nhân thì không thể làm được hơn) nhưng xét về nguyên tắc thì do là một lối hoạt động hợp với tính thể và có hiệu-lực. Trước hết anh em sinh-viên, lập trại ngay trong làng, bằng những việc giúp đỡ dân quê và sự chung dụng thân mật với họ (khám bệnh, phát thuốc dạy chữ quốc ngữ, chơi đùa với trẻ em, đi thăm hỏi từng nhà về sức khỏe, công việc làm ăn, tình hình sinh hoạt...) đã phá tan mỗi ngõ vực của họ đối với thanh-niên tân-học. Mới thiện cảm đã gây được, nên những buổi nói chuyện về vệ-sinh, canh nông, công-dân giao dục đã được dân làng đến nghe đông đúc. Rồi, giảng viên như một người bạn, người bạn dẫn dắt và am hiểu đời sống của họ, nói chuyện bằng một giọng vui vẻ và thực thà, về những vấn đề thiết thực có lợi tức khắc trong cuộc sinh hoạt hằng ngày của dân quê: khai phục công quyền, chọn thóc giống và dùng phân bón, cách trồng nom những trẻ sơ sinh. Kết quả: dân làng đã chăm chú nghe và hoan nghênh lắm. Tuy nhiên cuộc thí-nghiệm của anh em sinh-viên chưa hẳn là một tổ chức. Nó chỉ là một việc trong nhiều việc giúp đỡ dân làng mà anh em đã làm trong thời kỳ ở trại.

Phải có một chương trình một phương pháp, một ban giảng viên và một ban trông nom, mỗi người có chức vụ và trách-nhiệm rõ ràng, phải xếp đặt các công việc thành một thống hệ. Như vậy mới là tổ chức một lớp học.

Ở một vai nơi, hội T. B. Q. N. đã có lập những thư-viện bình dân và ở đây một đôi khi có những buổi học cho người lớn gọi là lớp thư viên. Nhưng xét ra lời tổ chức hãy còn sơ sài, không dựa vào

nguyên tắc gì, không có chương trình không có giảng-viên chuyên môn, nghĩa là chưa có sự xếp đặt gì cả.

Nguyên tắc và lời tổ chức tôi đã trình bày ở trên; chương trình phương pháp và công việc sau giảng viên sẽ nói ở đoạn sau. Tôi kết thúc đoạn này bằng một ý kiến về việc lập ban tổ chức lớp cao-đẳng người lớn. Lợi thiết nghĩ, công việc giáo-hóa dân-trí là một việc rất quan trọng và rất khó khăn cần đến những tài năng lỗi lạc và chuyên môn. H. T. B. Q. N. là một hội chính thức lập ra để trông nom việc học của phái bình-dân thì nên lĩnh cái trách nhiệm lo liệu công việc. Nhưng cần phải liên kết với những đoàn thể theo đuổi cùng một mục đích hay có những hoạt động tương tự để gây một lực lượng mạnh hơn là do một nhóm cá-nhân họp lại trong phạm vi của một hội. Những đoàn-thể này là: các đoàn tráng sinh và huynh trưởng hướng đạo, Ban truyền-bá vệ-sinh và tân-y-học của trường Thuộc và Tổng-hội sinh-viên.

Đại biểu của ba đoàn-thể ấy cùng với nhân-viên ban giáo-khoa H. T. B. Q. N. họp thành một ban tổ chức. Công việc chung là định một chương trình tổ-chức lớp học ở một làng nào, sau khi đã nghiên cứu làng ấy về đủ phương diện, — và cất đặt giảng viên trong mỗi ngành dạy. Rồi mỗi đoàn-thể có một chức-vụ riêng: ban giáo-khoa hội T. B. Q. N. lo liệu các công việc đại thể, giao thiệp với chức dịch, xếp đặt buổi học, v. v. các tráng-sinh và huynh trưởng hướng đạo tổ chức những trò vui thêm vào các buổi học, ban Truyền bá vệ-sinh săn sóc đến việc thực hành vệ-sinh trong làng, và Tổng hội sinh-viên lập trại thanh-niên ở nơi có lớp học để gây thêm cái không khí thuận tiện. Ban tổ chức khi đã định lập lớp cao đẳng người lớn ở một làng nào lại còn nên lôi vào hàng ngũ mình những đàn anh trong làng có thể lực và có công âm thầm chia cho họ cái trách nhiệm kiểm sát các người theo học trong việc thực hành các điều khuyên bảo. Ban tổ chức cũng cần tìm trước ở trong số người định theo học một vài phần-lử sáng suốt, để bảo vệ và thực long muốn theo những điều dẫn dụ. Họ là những người giúp việc cần thiết cho ta; công việc sẽ nhờ họ một phần mà có kết quả vì họ sẽ làm gương cho những khác theo.

(còn nữa)

VU ĐÌNH HÒE

HIẾN PHÁP TRUNG-HOA

(Tiếp theo trang 12)

được kính trọng, và biết bao nhiêu bậc quan liêu khi về trí-sĩ lại sống một cuộc đời thanh bạch giản dị như kẻ bần nông.

Với quan niệm trọng tinh thần khinh vật chất ấy (hay hay là giờ, đây ta không bàn tới) người ta không gầy gầy cạnh tranh để lẫn lộn lẫn, người ta chịu thủ phận an bần. Và sống trong cảnh thanh bạch, người ta vẫn không ước ao giàu có, người ta vẫn đủ sung sướng.

Đó không phải là ý kiến riêng của phái lão nho sinh không gặp thời nên bao giờ cũng hoài cổ; đó cũng không phải là ý kiến riêng của một vài nhà văn sĩ lãng mạn hoặc « triết lý rẻ » thất bại trong cuộc theo đuổi danh lợi nên phải tự tạo lấy một quan niệm nhân sinh hợp với hoàn cảnh của mình; đó là ý kiến chung của những người Trung Hoa đã sống một cách mật thiết với cuộc đời mới mà rút cục cũng phải công nhận rằng cái quan niệm trọng tinh thần khinh vật chất là một tính thực có của dân Tàu và nó là một thứ báu quý để duy trì hạnh phúc của người Tàu.

Trống quyển « My country and my people » viết bằng anh văn, và có dịch ra Trung văn và pháp văn, nhà văn Lâm Ngữ Đường là một nhà văn hào hiện đại của Trung Quốc, vốn có địa vị ở văn giới Anh Mỹ và vẫn lưu trú ở Mỹ, có tả những đặc tính của người Tàu. Trong

những đặc tính ấy, tác giả có kể tính « yên phận, tự túc » xin nhường lời tác giả: « Du khách ngoại quốc sang Tàu, đến những nơi nội địa ít khách qua lại, thì rất lấy làm lạ thấy dân chúng cần lao sống trong một cảnh trạng rất thiếu thốn thô sơ mà vẫn điềm nhiên vui vẻ ». Rồi tác giả thắc mắc vì sao người Tàu sống trong cảnh nghèo mà tự túc: là vì họ không nô lệ vào mình vật chất. Người Âu Mỹ, không có lò sưởi, không có máy vô tuyến thì khổ, chứ người Tàu chỉ « một cái dạ giầy dầy cơm là tối lắm rồi, còn ngoài ra là xa xỉ phạm ».

Cũng trong quyển sách ấy, Lâm ngữ Đường mượn bốn câu thơ cũ của thầy Trình mà tả quan niệm nhân sinh của người Tàu:

Vân đạm phong khinh cận ngọc thiên
(mây ít gió nhẹ gần buổi trưa)
Bạng hoa tùy liễu quả tiền xuyên
(vườn hoa theo liễu trái sông dâng trước)
Thời nhân bất thức dư tâm tặc
(người đời không biết lòng ta vui)
Tương vị thâm nhân học thiếu niên
(Toan bảo ta rằng: ông lão thừa công học lỗi trẻ con)

« Cái hình ảnh ấy, lời Lâm ngữ Đường, không những tả một cái thi-hứng êm đềm, mà lại còn biểu thị một thứ hạnh phúc tối cao của nhân sinh. Quan niệm nhân sinh của người Tàu là thế, không có gì là cao xa viễn vọng, và

CÁC NHÀ HẰNG-SẢN HẰNG-TÂM!

Mùa đông tới, biết bao người nghèo khó đã bị ma đói hành-hạ, lại sắp bị thần rét ra oai, manh quàng tấm áo che thân không đủ, phụng chịu sao nổi những cơn gió rét cắt ruột.

Ban « Cứu-tế mùa đông » đã thành-lập, do 5 hội thiện và 3 nhà báo hàng ngày ở Hà-thành hiệp lại kiếm tiền đỡ may 3 vạn quần áo rét phát cho người nghèo ở Hanoi.

Cứu-tế đông-bào là nghĩa-vụ chung, mong các nhà từ-thiện khắp các giới sẵn lòng giúp sức ban cứu-tế mùa đông để tiến-hành công-ước cho được kết quả mỹ mãn.

Văn-phòng của ban cứu-tế mùa đông đặt tại Hội-quán Hội Hợp-thiện 125 Boulevard Henri d'Orléans Hanoi. Đây nơi số 596 và các số 247, 344.

Thư từ hay ngân phiếu xin gửi cho ông Hoàng-hữu-Huy, ủy-viên thường-trụ.

BAN CỨU-TẾ MÙA ĐÔNG HÀ-NỘI

Kính cáo

rất là xác thực. Nói thật ra thì cái quan niệm ấy giản dị đến nỗi chỉ óc thực tế người Tàu mới lĩnh hội được... Hình như người Thái Tây khác người Tàu là ở chỗ một bên thì có tài tạo tác nên rất nhiều đồ quý nhưng không biết lợi dụng, còn một bên thì chậm chạp hơn, nhưng lại biết lợi dụng một cách rất khôn khéo cái vốn nhỏ mà họ vẫn có xưa nay». (Lin Yutang La Chine et les Chinois trang 118).

Cái quan niệm nhân sinh hồn hậu, êm đềm và giản dị ấy đã giúp hạnh phúc cho dân Tàu trong cảnh thanh bình.

Nhưng từ ngày nước Tàu tiếp xúc với văn minh Âu Mỹ, thì cái bầu hạnh phúc kia càng ngày càng mất thiêng, rồi cái cảnh thanh bình kia mà từ trước đến nay không ai coi là khổ, bỗng bị ngọn đèn văn minh vật chất Âu Mỹ soi rọi một cách rõ rệt, khiến dân Tàu bỗng thấy như ở Thiên đường rơi xuống địa ngục.

Trong khi ấy thì sức kinh tế tư bản tràn vào đất Tàu, phá mực thăng bằng phân phối của nền kinh tế tiểu nông cô lập ngày xưa,

Về phương diện tinh thần thì quan niệm an nhàn thanh đạm, đã nhường chỗ cho quan niệm chiến đấu kim tiền; về phương diện kinh tế thì nền tiểu nông xưa đã bắt đầu bị chi phối vào nền công, thương tư bản.

Bọn tiền địa chủ càng ngày càng bị lôi cuốn ra thành thị, làm công nhân cho nhà máy nhà buôn, hay lập một tiểu thương điểm nghĩa là một cơ-quan chi phối của các hãng to. Vì thế số dân vô sản càng ngày càng đông, và sức kinh-tế nền tư bản càng ngày càng lan rộng.

Tuy sức sản xuất và lợi tức của toàn quốc có tăng, nhưng sự phân phối càng ngày càng chênh lệch; vấn đề dân sinh của Trung Quốc đã gay go nay lại càng gay go thêm: ngoài vấn đề làm cho nước thêm giàu, lại còn phải giải quyết vấn đề tối quan trọng là phân phối lợi tức cho công bằng.

Những nhà cầm đầu cách mệnh Tân Hợi có lưu tâm đến những vấn đề ấy, trong chủ nghĩa dân sinh Tôn Văn bàn đến cách «Tri phú», đại để có những ý kiến sau này:

1.) Làm giàu cho nước, phải lấy *tiền thụ làm phiên chuẩn* Nghĩa là làm sao cho bọn bản dân bọn lao công, tất cả những người «*Tiền thụ*» được tăng cao trình độ sinh hoạt, chứ không phải là chỉ vụ sản xuất cho thật nhiều và bán cho được giá. Thí dụ sản xuất thuốc phiện, rượu, tuy có tăng lợi tức của toàn quốc thật, nhưng đối với dân chúng không có lợi gì mà

lại có hại. Cũng vậy vào lẽ ấy, Tôn cho rằng không nên khuyến khích sự sản xuất chiến cụ, và các xa xỉ phẩm. Các ngành sản xuất ấy nó chỉ làm giàu cho một bọn tư bản mà làm hại cho dân gian. (Thuật theo bài «*Dân sinh chủ nghĩa đích kiến thiết*» của Cường giả Chính, đăng trong báo «*Phục đản đại học thương học kỳ san*» và sao lại ở trong tập «*hiện đại các khoa luận văn tập*» của «*Cù thế Trấp và Chu tiên Thanh*»).

2.) Muốn tránh khỏi họa giai cấp phần đầu thì quốc gia phải trực tiếp quản đốc các ngành kinh tế. Tôn nói: «*Muốn giải quyết nhân sinh vấn đề, nhất định phải phát đạt tư bản chấn hưng thực nghiệp*. .. Nhưng nếu không dùng lực lượng quốc gia đem ra mà kinh doanh, mà lại phó thác cho Trung Quốc tư nhân hay ngoại quốc thương nhân thì tương lai kết quả chẳng qua chỉ làm giàu cho một số người có tư bản, rồi sinh ra sự bất bình đẳng giữa những giai cấp giàu nghèo»

Tôn có ý giải quyết vấn đề nhân sinh bằng chủ nghĩa kinh tế quốc quyền (*Economie étatique*), nên có nhiệm người, bảo rằng Tôn có khuynh hướng về chủ nghĩa hiện đương thì hành ở Liên Xô; nhưng cũng có nhiều người không tin như thế.

Một điều chắc chắn, là vào khoảng 1923, lúc đương chủ tịch chính-phủ Quảng Đông, Tôn giao thiệp rất mật thiết với những chính khách Nga như Adolff Ioffe và Borodine. Vì thế chính giới ngoại quốc lúc bấy giờ nghi cho Tôn đã theo chính sách Liên Xô.

Muốn yên dư luận, Tôn với Ioffe cùng ký một tờ tuyên bố chung với báo chí:

«*Bác sỹ Tôn văn thiết nghĩ rằng chính thể cộng sản không thể thi hành ở Trung Quốc được. Ông Ioffe cũng đồng ý như vậy, và tin rằng đối với Trung Quốc vấn đề khẩn cấp nhất và quan trọng nhất là thống nhất quốc gia và gây dựng nền độc lập. Muốn tới kết quả ấy ông Ioffe có hứa với bác sỹ Tôn Văn rằng Trung Quốc có cảm thiện của dân Nga và có thể tin cậy vào sự giúp đỡ của chính phủ Nga*». (Sun Yat Sen Henry Bond Restarick).

Hai năm sau, 1925, ngày 12 tháng ba, Tôn Văn mất ở Bắc-Bình để lại một tờ di chúc trong đó nói:

«*Tôi tận tụy với công cuộc quốc dân cách mệnh trong 40 năm, mục đích là cầu cho dân Trung Hoa được tự do bình đẳng. Trải qua 40*

nam ý, tôi tin sâu rằng muốn đạt được mục đích ấy thì phải liên hiệp với những nước dân tộc ta lấy bình đẳng mà cùng nhau phấn đấu».

Nói tóm lại, theo ý Tôn và có lẽ ý của đại đa số những nhà chính-trị Trung Quốc, thì vấn đề dân sinh không thể giải quyết riêng được. Muốn giải quyết được vấn đề ấy, trước hết phải thống nhất và giải phóng Trung Quốc.

Hai mục đích này chưa hoàn toàn đạt tới, thì vấn đề dân sinh cũng chưa thể giải quyết được.

Ngắm lại trong vòng 30 năm từ ngày cách mệnh, Trung Quốc đã tới được những kết quả gì?

Về sự thống nhất quốc gia, thì ta có thể nói từ 1928 giờ về sau, họa phân ly đã bắt đầu tiêu diệt. Quốc Dân Đảng đã có công lập nên tảng thống nhất, và đã cùng đi với cộng sản đảng, để thảo trừ chính phủ quân phiệt Bắc-Kinh; tuy sau cuộc bắc phạt thành công, có sự chia rẽ giữa Quốc với Cộng, nhưng sự chia rẽ ấy chỉ là tạm thời; những việc xảy ra mấy năm về sau đã đoàn kết hai chính đảng lại càng ngày càng mật thiết, Sự đoàn kết ấy về sau còn giữ được không? Ta không thể nói trước được. Nhưng giàu sao nền thống nhất quốc gia về sau này cũng vững, nếu có bất hòa thì chỉ bất hòa trong phạm vi chính đảng mà thôi. Và chẳng trong một quốc gia dân chủ sự xung đột giữa các chính đảng không những là một việc thường, mà lại là một điều kiện cần thích cho cuộc chính trị tiến hóa.

Về vấn đề dân quyền, thì hiến pháp năm 1932 và bản dự định hiến pháp chính thức 1935 đã đưa Trung Quốc vào một thời kỳ chấn chỉnh do đó mà dân quyền sẽ có một con đường mà dần dần phát triển.

Và khi dân quyền đã được hoàn toàn thừa nhận, thì vấn đề dân sinh sẽ do quốc dân định đoạt tùy theo hoàn cảnh quốc gia tình hình quốc tế.

Nhưng trước khi quốc dân sẽ có đủ tư cách mà định đoạt số mệnh của mình, Trung Quốc phải có một cơ quan hướng đạo. Hiến pháp lâm thời đã phó thác cho Quốc Dân Đảng trách nhiệm hướng đạo ấy; hướng đạo bằng cách nào, đó là vấn đề ta sẽ xét trong bài «Lâm thời hiến pháp của Trung Hoa.»

P. Q

NƯỚC Ý SAU TRẬN CHIẾN-TRANH

(Lục theo trang 22)

sau khi chiếm Á vẫn còn nhiều; ở Palestine với Arabie có nhưn, tay sai của Ý chực quấy rối; đài vô-tuyên Ba của Ý uyên-truyền bài Anh ở Islam.

Tuy vậy, Ý cũng ký hiệp ước Nyon trừ việc cướp phá trong Địa Trung Hải. O. Chamberlain muốn giữ hòa bình nên ngày 16 tháng tư 1938 ký với La Mã một hiệp ước giữ nguyên địa vị đất nước ở Địa Trung Hải và đa tổng đến nhiều vấn đề khác. Anh hứa sẽ giúp Ý lẽ nói với các nước thừa nhận đủ quốc Ý. Và ngày 12 tháng năm 1938, hội nghị Gênevê (Thụy Sĩ) đề cho các nước tùy ý muốn xử trí với việc Ý chiếm Á thế nào thu xư.

Tuy vậy vẫn còn nhiều truyện khó khăn lúc điều đình để rút các quân ngoại-quốc ở Tây Ban Nha về nước.

Với Pháp, Ý cũng chẳng thân thiện gì hơn phứt là lúc do chiến tuyến Bình Dân lại lên cầm quyền Nội các Blum cho O. de Châmbren, đại sứ Pháp ở Ý về hưu, Mussolini hẹn bắt buộc đại sự mới phải được vua Ý, Hoàng-đế Ả, thừa nhận. Nghĩa là Pháp phải công nhận việc Ý chiếm Á. Pháp không nghe và không gửi đại-sứ sang Ý nữa. Ý cũng gọi đại-sứ ở Paris về. Anh cố nài Pháp điều đình cho xong để ký hiệp ước với Ý, nhưng ngày 14 tháng tháng 5, Mussolini diễn thuyết ở Gênevê tuyên bố nếu Ý chấp muốn ký hòa ước thì phải giúp Franco. Cuộc điều đình tén vơi dù Anh hết sức cứu vãn.

Trục La Mã-Ba Linh vào hồi này đã cộ lực lung lay, Nam 1934, khi Hitler muốn sáp nhập Áo, Mussolini đem quân ra bên thùy. Nhưng đến 1938 thì thủ tướng lại dễ yên. Hitler xong việc cộ gửi cho Mussolini một bức điện tín: «Mussolini, tôi không bao giờ quên việc ông giúp tôi». Ý vì đó mà mất địa-vị cũ ở Balkans và trung bộ Âu Châu. Từ mùng 3 đến mùng 9 tháng năm 1938, Hitler sang Ý và được tiếp rước long trọng.

Trở lên là lịch-sử nước Ý từ sau 1918 đến rạng chiến-tranh. Con những việc rồn rập từ tháng chín năm 1938 đến giờ, những việc khai mạc cho cuộc chiến tranh hiện tại, hẳn trí nhớ của các độc giả cũng chưa quên lẫn.

Và chúng ta ngày nay chưa đủ có chỗ lùi lại để ngắm rõ tình thế, lịch-sử cuộc đại-chiến này, ập đó là một việc của những người ba bốn mươi năm nữa.

UC-MAI

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

Các người không thể trở lại cái thời cũ được. Các người hãy một lòng hợp tác để đợi cuộc hơd binh, đừng dễ trong nước rồi ren. Chính phủ phải được nhân dân trọng vọng mà tuân theo.

XEM KỊCH

« LỌ VANG » CỦA MAI PHƯƠNG Ở NHÀ HÁT LỚN HÀ NỘI

Trận bão cuối thu tan vào giữa rừng Trường Sơn đề mưa rậm, gió lạnh trong mấy hôm liền. Những kẻ mạo phong vũ tới đây, tối nay, hầu là những người yêu kịch. Tiếng ho báo lạnh bắt đầu mà những khán-giả mặc sơ mi trắng hay quần cụt cũng không còn nữa, Thằng cũng còn đội chiếc mũ nỉ ở giấy ghế dưới nhà, vài tiếng cười hồn nhiên, quai gô ở mấy khán phòng, nhưng câu chuyện Mai-Phượng, tài Thế-Lữ đã đủ làm cho ta quên giận.

Từ đầu mùa kịch tới nay, lần đầu tiên, người ta thấy tác-gia với tài-tử xứng đôi. *Lọ Vang* chỉ là mô phỏng của *Plaute* nhưng mô-phỏng thông minh biết bao! Tôi xin thú thật rằng có lúc tôi đã thích *Lo Vang* hơn *Ngôi ời biển cả* của Molière. Có lẽ vì lao Quý không qua quýt cùng cực như Harpagon, có lẽ vì chẳng gặp một ông con chữ bố như Cléante, một gã thầy tư tri trá, vô lương như Maître Jacques hay La Flèche, nó tóm lại là có lẽ vì nụ cười của Mai-Phượng có tiết độ và lễ độ, nhưng cái có lẽ hơn hết cả là tấn-kịch được một khí-hậu hoàn toàn Việt-Nam. Cũng thì sót của kêu gào mà cau: « Ôi! An cấp! Ân cấp! Ôi nó giết người!» của Molière đối với chúng ta nó vẫn không thuận tai bằng tiếng kêu giới, kêu đất.

Khí-hậu Việt-Nam! Đó là cái duyên thầm của tấn kịch tối nay. Khí-hậu đó, nhà dàn cảnh Thế-Lữ đã khéo tạo ra ngay từ hồi đầu: tiếng nói kể Noí của mu vụ già chửi bực lấy khán giả, mang lại một môi trường-tình đầm ấm làm cho ai nấy hân hoan nghe mục kê lại nổi lòng. Lời chiếu của Võ-Tác-Thiên bắt trần hoa đua nở để mang xuân lại giữa cảnh tuyết xa, gió thổi cũng chỉ màu nhiệm đèn thế thò. Cũng vì thế mà tôi đâm ra yêu cô Nga ngày thơ đuôi gà bỏ giọt, đâm ra ghét câu kỳ Nang vắn quắn ao tây ở hồi thứ ba.

Trong cái khí-hậu ấy, Thế-Lữ đóng vai ông già biên lận đã tỏ hết tài mình. Vai trò đó làm ra dễ cho người ấy đóng. Lão Quý đã làm cho ta quên những sự lộn xộn trong hơi cuối những cư chi hơi quá đang của vai Nhỏ, những ngưng-nghe, vô duyên của vai kỳ Nang đóng công từ mẹ gai vốn v. n để thành lỗ bích.

Nhưng du sao tôi không dừng mà chỉ trích một điều. Ấy là vì tạo g à *Vang va Mau* còn như nhiều quá đến cái học vắn hồi họa của mình thừa trước (vì đó mà cách bài trí cổ thiên về màu sắc), còn ưa chuộng nêu qua cái mỹ thuật riêng của chiếu bóng (vì do mà có những cảnh cuối sân-khấu có

hại đến cảnh ngoài cùng, như ở kịch Kinh - Kha; vì đó có những bài-tri tỉ-mỉ nhiều đồ thật như ở kịch Kim-Tiền). Cái thí-dụ của nghề kịch nước Nga cũng đáng để ông suy nghĩ. Ấy là ở trong một bình-kịch của nhà văn Tchekov bên bờ suối một anh chàng ngồi câu cá. Suối không có, cần không mà cá cũng không. Thế mà khán giả đều rõ ràng trông thấy ngư-ông thả cần xuống nước, dặt lên năm con cá bạc đương dấy đánh đập mà vớt vào rổ. L. H. V.

VIỆC QUỐC TẾ:

Mặt trận Nga không có sự thay đổi lớn. Khu Smolensk cuộc tiến công của Hồng-Quân đã bớt mạnh. Từ Gomel đến Kiev, cuộc tấn công của Nga chưa có kết quả rõ rệt. Khu phía Nam trên khuỷu sông Dniepr, những cuộc xung đột hàng hải hơn hết. Sau khi chiếm được Dniepropetrovsk Hồng-Quân tiến về phía tây và hiện nay quân đội bên đang kịch chiến trong khoảng từ Kremenchug tới Krivirog. Quá phía dưới, sau những trận vô cùng ác liệt tại Melitopol, Hồng quân lấy thêm được mấy thành-phố Gonichesk, và Askania Nova gần bờ biển Azov và tiến về nẻo cửa sông Dniepr. Có tin quân Nga đã tới Perekop tức là cửa vào bán đảo Crimée.

Mặt trận Ý cũng không có gì quan trọng. Quân Anh, Mỹ vẫn tiếp tục tiến lên phía Bắc, vượt qua được sông Voltumo, vùng trên Capoue. Nhưng cuộc tiến tới kinh-thành Rome rất chậm chạp.

Mặt trận Nam-tur-lạp-phu, quân dân nhờ có quân Anh, Mỹ ủng hộ vẫn thẳng-thế và chiếm thêm được nhiều thị-trấn.

Hội-nghị Moscou giữa Anh-Mỹ-Nga bắt đầu từ 19 Octobre đến 30 Octobre đã kết-liệu. Bản thông cáo nơi ba nước quyết định hành binh nhanh chóng để cuộc chiến-trách với Đức sớm kết-liệu, và nói rất nhiều tới sự hợp tác và hành động của ba nước sau chiến tranh.

Trong khi đó, trong một bài diễn văn, buổi khai mạc nghị-viện Thờ, Tổng thống Thờ-nhĩ-kỳ không nói đến thái độ trung-lập của Thờ nữa.

Mặt trận Á-đông, có vẻ hoạt động hơn. Tại phía Bắc đảo Nonvelle Guinée xảy ra rất nhiều cuộc xung-đột quan trọng giữa quân Nhật và quân Anh, Mỹ ở Vân nam, trên biên thùỵ Điện-Điện Ấn-Độ quân Trung-quốc khánh mưu tấn công để mở lại con đường tiếp tế, nhưng hình như không có kết quả gì.

Viết ngày 2 Novembre 1943

Đ. Đ. D.



MỜI CỎ BÁN:

**A-NA
KHA-LÊ-NINH**

Một kiệt tác của
nhà đại văn hào Nga **LÊON TOLSTOÏ**.
do **VŨ NGỌC PHAN** dịch

Giá 2\$50

DỪA CON

Tiểu thuyết của **ĐỖ ĐỨC THU**

Giá 3.00

ĐUƠNG IN:

THANH ĐỨC

(tức **TỘI LỖI**)

Tiểu thuyết của **KHÁI HÙNG**

Mây

THƠ của **VŨ HOÀNG CHUƠNG**



30-10-43 CỎ BÁN:

NGÕ HỀM

TIỂU-THUYẾT
của **NGUYỄN ĐÌNH LẬP**

TỦ SÁCH (TÂN-VĂN-HÒA)

ĐÃ CỎ BÁN:

TRIẾT HỌC LÀ GÌ?

của **NCHIỀM TỬ** . . . 2d50

LUÂN LÝ THỰC NGHIỆP

của **LÊ VĂN SIÊU** . . . 2d50

Hàn-Thuyên: 71, Tiên-Tsin — Hanoi

Tin buồn

Được tin buồn thân mẫu ông **Lê-trọng-Quỳnh** vừa mệnh chung tại làng Quảng-Phúc Yên-Mô Ninh-bình, chúng tôi thành thực phân ưu cùng ông bạn **Lê**.

NGUYỄN-TUÂN

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được:

Triết học là gì của **Nghiêm Tử Hàn Thuyên**
xuất bản giá: 2\$50

Khảo cứu về tiếng Việt Nam của **Trà Ngân** —
Cộng-Lực xuất bản giá: 2\$50.

Công Chúa tóc vàng sách Hoa Mai của **Cộng-Lực**
Quan tham kéo vó của **Tiên-đàm Nguyễn-tương-**
Phượng, nhà xuất bản **Trí Tân** giá 0\$35.

Tích-dò vương của **Phan-trần-Chúc** giá 1\$20.

Cảm-tình và hoạt động tâm-lý-học của **Nguyễn-**
đức-Tĩnh giá 1\$30.

Mạnh-thường Quán của **Minh-Dân** giá 0\$80

3 cuốn trên do nhà **Mai-Lĩnh** xuất bản.

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và vui lòng giới
thiệu với bạn đọc T. N.

SẼ XUẤT BẢN:

Ả Q CHÍNH TRUYỆN

của **LỖ-TẤN, ĐẶNG-THÁI-MAI** dịch

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

Từ hàng mười tây 1943

đến tháng năm tây 1944

BAN KỊCH THỂ LŨ'

LẦN LƯỢT ĐIỆN:

15 VỞ KỊCH
GIÁ - TRỊ

= CỬA CÁC NHÀ VĂN CỎ TIẾNG

ĐƯƠNG IN :

VANG BÓNG MỘT THỜI

của NGUYỄN-TUÂN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó

sẽ thành sự thực nếu các

ngài bỏ 1\$ 00 mua

VÉ SỔ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG

HÃY ĐỌC :

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN ĐÌNH THI

Một cuốn triết học nhập môn dễ hiểu nhưng không tầm thường.
Một cuốn triết học sử phác được rõ ràng cuộc tiến hóa của
nền triết học phương tây.
Một cuộc phân tích cặn kẽ những khuynh hướng và những
kết quả mới mẻ nhất của triết học, khoa-học hiện đại

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT 29, Lamblot, HANOI

ĐÃ CÓ BÁN :

HỌC THUYẾT FREUD

Một học thuyết đã làm chấn động
hoàn cầu lần đầu tiên diễn ra quốc văn
do ông TÔ KIỀU PHƯƠNG.

Giá: 2\$50

CÒN MỘT ÍT :

TRIẾT LÝ VỀ VŨ TRỤ VÀ NHÂN SINH

của PHAN MẬT — Giá: 2\$30

VĂN HẢO TOLSTOI

của NGUYỄN PHI HOANH — Giá: 2\$40

BÁO THANH NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG - THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG
CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM - PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN
CHÍNH - PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 16 Novembre 1943

- | | |
|---|-------------------|
| — Hiến pháp làm thời Trung Hoa | PHAN ANH |
| — Chương trình và phương pháp dạy trong lớp Cao-dẳng
bình dân | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Những bệnh gia truyền II. Bệnh lao | NGUYỄN ĐÌNH HẢO |
| — Những kinh nghiệm về chính sách nghiệp đoàn : việc tổ
chức nghiệp đoàn ở Ý | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Xã hội Việt Nam từ thế kỷ thứ 17 | NGUYỄN TRỌNG PHẦN |
| — Độc thân, truyện ngắn | HƯỚNG MINH |
| — Xem kịch : « Đồng bệnh » | L. H. V. |
| — Bạn đọc viết : Gỡ đầu trẻ | LÂM TUYỀN KHÁCH |
| — Đọc sách mới : Quê hương | L. H. V. |

Autorisé par arrêté du Gouverneur général du 1^{er} Mai 1939 N° 3089

Directeur getant : VŨ ĐÌNH HÒE - Fondateur : ĐOÀN KẾ THIÊN - Imp. TRUNG BẮC